

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đỉnh-Bính

Chánh chủ-bút. Phan-chung-Thú
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên bản hội đồng Quán trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội điều, cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội quán.

Vậy xin đăng phương danh các vị hội viên chi hội Bách lộc (tiếp theo) đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tin, thập-phương chứng giám.

Ng-gia-Chúc, Nguyễn văn Quỳnh, Hạ thị Su, Nguyễn hưng Nhượng Khuất thị Xuân, Đào thị Chúc, Nguyễn thị Quất, Nguyễn thị Nhân, Nguyễn văn Nhuận, Nguyễn văn Hoàn Dương Văn Chử, Dương thị Tính, Nguyễn văn Khương,

Chư, tăng ni chi hội Thái-bình

Tự thanh Chất, tự thanh Nhuận, tự thanh Xuyễn, thanh sự, tự thanh Bang, tự thanh Hựu, tự thanh Chíoh, tự thanh Tuyên, tự thông Hoãn, tự riệu Tiễn, tự thông Đạt, tự riệu Thu, tự riệu Khánh, tự riệu Quý, tự đàm Lộc, tự riệu Thiệu, tự riệu Xuân, tự riệu Uyên, tự riệu Mận, tự riệu Quyết, tự đàm Trung, tự riệu Cảnh, tự đàm Cận, Sư cụ chùa Trường-xá Phụ-rực

Tăng, ni chi hội Xuân-trường Nam định

Trà lữ Bắc tự chánh đại biểu, Thọ vực tự tự Tâm tín, Thanh trà tự Nguyễn viết Kiên, Đông an tự Trần quảng Kiên, Ngọc cực tự Trần ngọc Tây, Trà lữ Chung tự Trần ngọc Cống, Xuân Hy tự Phạm viết Thuyền, Hoành quán tự tự Thanh Luận, Vạn lộc tự tự Vân Tiến (Tấn), Lạc quần tự tự Văn Thuyền, Trà lữ Đông tự tự Văn Hương, Trà hải tự tự Văn Ý.

KÍNH CAO CÙNG CÁC NGÀI ĐÃ ĐẶT THỦY XÁM

Trước chúng tôi đã kính cáo rằng đến cuối tháng 9 ta thì in xong quyển thượng, nhưng vì công việc nhà in bận quá cho nên in chưa kịp. Vậy xin các Ngài hãy lượng cáo đến cuối tháng mười thế nào cũng xong.

Imp. ĐUỐC TUỆ

*Nhà Phật-học nước Mỹ nói
về đạo Phật Trung-quốc*
(tiếp theo)

XVI. — THỨ VỊ CỦA THIỀN-TÔNG

Trong Thiền-tông, một mặt thì lấy cái luận-diệu « Vạn-hữu nhất thể 萬有一體 » (Mahayana Pantheis) của phái Đại-thừa Phật-giáo làm cái cơ-sở lập ra bản-tông. Một mặt âm-thầm hòa-hợp với cái chủ-nghĩa thần bí (Mysticism) của đức Thích-ca mà lấy sự « minh-tâm kiến-tính » làm mục-dịch tu hành. Thế rồi lên tiếng gọi to cho hết thấy những kẻ giáo-đồ thành tín chỉ biết có việc tụng niệm lễ cúng kia phải tỉnh thức lại như người nghe thấy tiếng chuông thủa đêm thanh phải sinh lòng cảm động. Còn như cái nghĩa « thiện ác bất nhị » vốn không phải là bản-ý đức Thích-ca, cho đến ông Đạt-ma đã giảng nói cũng không từng lấy cái nghĩa ấy làm cái nghĩa tất có ở trong luận-diệu « Vạn-hữu nhất-thể ». Thế mà những đồ-dệ trong Thiền-tông thì lại cứ trấp lấy nghĩa ấy, cho rằng bản-thể vốn yên lặng không có gì là thiện với ác. Cho nên mê với tịch chỉ có một tâm mà thiện với ác vốn không có hai gốc. (thiện với ác là do huân tập mà ra, là cái phép tương đối. Đến như bản-thể của chân-tính thì là tuyệt đối không có thiện ác gì), bèn lấy cái thủ sinh-hoạt thiêu-nhiên để điều-dưỡng tâm-tĩnh, khiến cho sự sinh-hoạt của Thiền-gia càng thêm cao quý.

Dem cái chủ-nghĩa tịch-tĩnh (Quietism) của Ấn-độ cùng cái chủ-nghĩa trực-giác của phái thi-nhân (Poetic Intuitionism, nam-phương Trung-quốc (Phái thi-nhân Trung-quốc chỉ hiểu về phạm vi ý thức, chứ chưa hiểu được chỗ bản-tính như Thiền-tông - nhờ chú-thích cũ) để cùng dung hòa mà thành ra một cái phong-vị chất-phác thanh cao. Ông Tỉ-kỳ chính-trị (Anesaki) người Nhật-bản nói :

• *Cái lý tưởng chất phác mỹ mãn của phái Thiền-tông, đối với hết thấy tư tưởng hành vi của người đời, không chỗ nào là không cảm hóa được*. Câu nói ấy thực đúng.

Phái Thiền-tông lại đem bài luận « vạn-hữu nhất-thể » để phát huy cái nghĩa « Phật tính phổ-biến » 12. Nhân đó đem cái quan niệm tông giáo mà thẩm thấu vào trong hết thấy sự sinh hoạt cho thành ra cái phong thú nhiệm mầu cao thượng. Một sắc núi xa, một cảnh nước sông, không cái gì không phải là Phật tính. Một cai chủ-nghĩa lịch tĩn có tài vị nhường ấy, từ đức Thích-ca lại đây hơn hai nghìn năm, đã từng khiến cho những kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân đã mỗi một về cuộc đời họ rất lấy làm khuynh hướng. Nếu chỉ họ thường tìm đến ở những nơi đỉnh núi để hưởng cái thú sinh hoạt thiên-nhiên rất mỹ mãn mà rũ sạch những nỗi phiền nhiễu của cái đời hôn tục. Không những thế đạo Thiền-tông lại còn lưu hành sâu vào trong cõi lòng của các nhà quân-nhân chính trị. Khiến cho họ, trong cái khi áng công danh trăm đường rộn rã, được tạm nghỉ mọi duyên mà hồi lại chân tâm để được hưởng cái thú giản dị yên lặng thanh nhàn đời chất. Tâm cảnh ấy thực như vắng trắng vắng-vực giữa cõi thanh không, như con thuyền lênh đênh trên mặt bể lớn, chừa chan những ý tứ thoát trần một gót thiên nhiên.

Ở trong cái phong thú thiên chán lạn man của nhà tông giáo như thế, có thể nhân ở trong chỗ trực giác mà thấy được cái lẽ vạn-hữu là một thể và thường thường cảm thấy chỗ Phật tính lưu lộ ra. Cho nên các Đại-sư trong Thiền-tông, thường nhân ở trong cảnh tịch tĩn, thấy tiếng ếch kêu xổi chảy, hay là chiếc lá thu rơi, đều chợt tỉnh mà ngộ đạo. Cho biết những cảnh tượng như kia đều có Phật tính ngụ ở trong ấy cả.

Phái Thiền-tông ưa thích cảnh thiên nhiên sinh thú, thường đem cái mùi thơm tho mầu nhiệm của hoa cùng với cái vẻ chót vót tần vấn của núi, điều hòa với nhau

mà sinh ra mỗi mỹ cảm. Đem cái tư tưởng cao siêu, quan cảm mẫu nhiệm, hợp với cái khí khái hùng dũng mà cương cường chất phác, và cái sinh hoạt cảm dục ẩn cư, thành ra một phong thú của một tông môn vậy. Những cái ý tứ thú vị của phái này đã để vịnh ra là đều có cái tính dương cương cả. So với cách đốc tía kính cần của Tịnh-độ-tông là cách bầu như Âm nhu kia thực là khác xa.

Vả, nghĩa chữ « thiên » là có đủ cái khí khái biến hóa được cả vũ trụ. Phạm những tượng pháp kinh điển đều không phải là cái đáng trọng mà chỉ lấy những sự vật thiên nhiên làm kinh điển vì nó có Phật tính ngự ở trong. Có một vị Thiên-sư đời xưa, đến nỗi gặp khi trời rét, ông đem pho tượng Phật bằng gỗ ra đốt để sưởi (đó là Đan-hà Thiên-sư, nhưng đời chế lầm, không phải là sự đáng làm mẫu cho Thiên-tông — Lời chú thích cũ). Lại có cụ thì lấy pho tượng vàng sáng loáng đem bỏ thí cho kẻ khó. Nhưng thực ra đạo Thiên-tông là vốn lấy chủ nghĩa tịch-tĩnh để tiết chế sự hành vi và lấy đạo đức quan-niệm đề cổ uốn nắn cái lưu tệ của thuyết « vạn-hữu nhất-thể ». Cho nên trong khi thưởng ngoạn cái sinh thú thiên nhiên phái này vẫn phải quy y về những lời giáo-huấn của đức Phật tổ.

Ông Khuê-phong Tông-mật nói rằng : « Mọi giống hữu tình đều có bản giác chân tâm. Từ vô thủy tới nay, bản giác chân tâm ấy hằng trụ ở nơi thanh tịnh, vắng vặc chẳng chút mờ ám. Nó thường hiểu biết hết thảy. Nó là Phật tính, nó là Như-lai tạng (Tathagatagarbha). (Đoạn này ở trong kinh Hoa-nghiêm). Coi đó thì biết rằng muốn loại đây đây, cũng có đủ tính này mà không đâu khác đâu cả. Người ta mà xử được cái cách hờn-nhiên đồng một thể với mọi vật thì tự làm rõ rệt được cái tính thường trụ thanh tịnh này ra. Thế thì những kẻ ham sống mờ chết kia, trong mình giắt ngọc quý mà không biết. Há chỉ là kẻ đại-ngu mà thôi ». Cái đó không lạ gì, chỉ vì bị cái ngã-trấp nó che đi mà không biết đến chân-

tướng của đại-ngã. Như trong kinh Pháp-hoa nói có một đứa con cùng khổ, bỏ những kho báu của cha để lại mà đi lang thang đến nước khác xa xăm mà không biết. Nếu một mai người ta tỉnh ngộ ra được thì người ta tự biết đại-ngã là đáng quý thực và không thể mơ tưởng tới cái chỗ quý ấy là nương nào. Cái đại-ngã ấy tức là cái Phật tính thường trụ thanh tịnh, ta và vạn vật đều có đủ cả tính ấy.

Thiền-tông không phải là bài duy-tâm-luận một cách tuyệt đối (Absolute Idealism) cũng không phải là bài hư-vô-luận một cách tuyệt đối (Absolute nihilism). Ông Khuê-phong nói rằng: « Nếu tâm và cảnh đều không có cả thì ai là người biết được là « không có » ấy. Lại nếu không có phép gì là thực thì do đâu mà hiện ra những cái hư-vọng kia. Và hiện thấy những vật hư-vọng của thế gian kia không cái gì mà không phải nhờ có thực pháp mới thành ra được. Như không có nước là thì có lnh ướt và không bao giờ thay đổi kia thì sao có sóng là cái giả-tướng hư-vọng nọ. Như không có cái gương trong sạch và không bao giờ thay đổi kia thì sao có những cái bóng khác nhau này. Lại như mộng là cái hư vọng đấy, nhưng, nó phải do ở người ngủ say mà ra. Bây giờ mà cho tâm và cảnh đều là không thì mộng ấy sẽ nhân vào đâu mà vọng hiện ra được ». Đó là lời ở thiên « Nguyên-n hân-luận » trong kinh Hoa-nghiêm bác cái thuyết hư vô của phái « Tam-luận » vậy. Thực ra thì Thiền-tông là một bài thực tại-luận (Pautheistic Rolism) về chủ nghĩa « vạn hữu nhất thể ». Phái này chính là lấy cái phép tắc luyện tâm say dưng ở trên cái cơ sở ấy. Nếu cứ theo y như phép tắc ấy mà xét cho thấu triệt thì có thể khiến cho tâm-cảnh được trong sạch dần dần tỏ rõ về linh quang, thoát hẳn mọi lẩn khuất, xa lìa hết trấp chướng, tự tại một cách tự nhiên mà cái bí quyết làm cho tâm thân kiện toàn tự đủ ở trong đó. Về thế-kỷ 18 (đời Thanh, trong khoảng Khang-hi Gia-khánh) có một vị Thiền-sư, thọ 100 tuổi mà vẫn quốc thước khác thường. Người ta hỏi cụ tu phép

gì mà được thế. Cụ nói : « Anh để cho tâm thân anh được thanh-lĩnh lấy 14 ngày rồi tôi sẽ trao cái bi quyết ấy cho ». Người ấy trở về cũng giữ cẩn thận lời dạy ấy, không phút nào quên. Thì bỗng thấy có tiếng ghé tai mà bảo anh ta rằng : « Cắt đứt tư dục my đi, phải kiên nhẫn không trễ nãi. Dù đến nỗi phải hi-sinh tinh-mệnh cũng không ngại. Đó là bi-quyết đấy ».

Những câu chuyện thần-dị ấy, há không phải ảnh hưởng từ cái trạng-mạo khởi-ngộ, giáo-pháp lạ lùng của ông Đạt-ma mà khởi ra dư. Nhất là người Nhật-bản họ cảm động về cách ấy lại càng sâu xa lắm. Những chuyện mặt mũi dị kỳ, nết ở khác lạ của các sư cụ trong Thiên-tông thì người Nhật họ thích nói đến luôn luôn. Một việc càng lạ hơn là ở trong tông-môn nhà Thiên muốn xét xem sự tu học của đồ đệ nào đã tiến tới đến đâu, thường bỗng dùng phép « bồng bát » để thử kẻ học trò ấy có thành tâm không. Có khi dùng những câu nói tẻ ác mà thử nhau nữa. (Phép bồng bát để xét xem có ngộ đạo không chứ không phải chỉ thử có thành tâm không). Ấy những câu chuyện mọc mọc đó, người Nhật hề khi cơm no rượu say rồi là giở ra để nói cho vui. Nói có một vị cô-đức đến mời một vị Thiên-sư kia tới chỗ chợ của mình chơi. Vị cô-đức nói rất nhún, mời rất kính trọng và suy tôn vị Thiên-sư kia hết cách, ngờ đâu bị vị Thiên-sư kia đá lại cho một trận, thế mà vị cô-đức nọ vẫn cứ vui vẻ xin chịu. Lại cười mà tạ ơn rằng : « Lạy tổ, tổ đã làm cho con khỏi mù khỏi điếc, con sung sướng vô cùng ! » Ấy câu chuyện liêu-thoát như thế.

Lại đến như cách học đạo Thiên của nhà quân nhân Nhật bản, cứ mỗi khi làm trận là làm vài bài thơ để tả cái từ-tâm hùng cao nhã của Thiên-gia. Như Nãi-mộc tướng quân (Général Nigo) khi nghe thấy tin hai con bị chết, Tướng-quân vẫn ung dung tự nhiên, liền cầm bút làm thơ để viếng. Sau Tướng-quân tự tận cũng xử một cách khoan thai như thế.

(còn nữa)

D. N. T.

2. Thiên-nham 禪岩 Thiên-sư

Thiên-nham Thiên-sư trụ trì chùa Trí quả 智果, làng Cồ-châu, xứ Long biên (Long biên nay là hạt Thuận thành, tục cho là Hanoi thì lầm) Người quê ở làng Cồ-châu, nhà họ Khương tên húy là Thông, còn một nhà kể thế làm Tăng quan. Thiên-sư về người lạc lợi, giọng đọc kinh kệ rất trong. Người thường luyện thần chú Đà-la ni, đọc thuộc lòng không sót một chữ. Về khoảng niên hiệu Hột-phong (1092) đời vua Nhân-tông nhà Lý, Người thi khoa Ngự thí kinh Pháp-hoa và kinh Bát-nhã đều đỗ đầu.

Sau Thiên-nham Thiên-sư gặp được Cụ Thành đạo Pháp-Y 法道法師 nghe một lời nói mà ngộ đạo, bèn xuất gia, bắt đầu đến ở chùa Thiên-phúc núi Tiên-du, giữ giới hạnh rất là nghiêm ngặt, đạo tâm ngày càng rộng lớn. Ăn quả cây uống nước suối, trải 6 năm rồi trở về bản hương, trùng tu lại chùa làng mà trụ trì tại đó. Đến khoảng niên hiệu Đại-thuận gặp đại hạn, vua xuống chiếu vời Người vào cửa khuyết cúng đảo vũ, quả nhiên được hiệu nghiệm ngay. Vua phong cho hiệu là Danh-tăng và cùng cho bộ áo tượng phục. Từ đó phẩm quốc gia có lễ kỳ đảo gì, Thiên-sư đều làm chủ lễ.

Năm Cảnh-long Bảo-ứng nguyên niên (1163) đời vua Anh-tông nhà Lý, thành trọng khâu giữa trưa. Người thấp hương ngồi chững chạc, quyết biệt với đồ chúng má hóa. Tuổi thọ 71. Di-xác ấy nay vẫn còn ở chùa làng Cồ-châu người đời gọi là vị Phật sống. Về sau chùa ấy gặp binh hỏa mà pho tượng di-xác ấy không can hệ gì.

3. Minh-không 明空國師 Quốc-sư

Minh-không Quốc-sư trụ trì ở chùa Quốc-thanh. Tráng-an Người quê ở làng Đàm-xá 譚舍, hạt Đại-hoàng 大黃 Nhà họ Nguyễn, tên húy là Chí-thành 至誠 khi đi

du học gặp Từ đạo hạnh Thiên-sư ở chùa Thiên phúc, bèn ở lại hầu hạ trải 17 năm. Đạo-hạnh Thiên sư khen là có chí, lấy làm ưng ý, nhân đặt đạo-biêu cho là Minh không. Khi Đạo-hạnh Thiên-sư sắp tạ thế bảo cho Minh không rằng :

« Xưa Đức Thế tôn, khi đạo quả đã viên thành còn có quả báo, phương chi là đời met-pháp, giữ sao cho khỏi. Ta đến thân sau này lại ở thế gian mà làm đấng nhân chủ nê-trug bị bệnh nghề nghiệp nặng lắm, ông đã có duyên với ta thì phải cứu nhau. »

Nói xong Đạo-hạnh Thiên sư liền hóa Minh không lại trở về quê nhà cây ruộng đến 20 năm không cầu gì danh tiếng. Bấy giờ vua Thần-tống nhà Lý bị bệnh kỳ, tâm thần rối loạn, tiếng giặc bực gầm gào như hổ kêu, ai nghe cũng phải kinh. Các lương-y trong nước, nghe có triệu vôi đến đông lắm mà đều chịu bó tay không sao chữa được. Bỗng có đứa tiểu đồng hát rằng :

« Muốn cho khỏi bệnh Cứu trùng,

Có ông Thầy Nguyễn Minh-không mới hèo »

Triều đình cho đi dò hỏi quả tìm được Minh-không họ Nguyễn. Nhà sư tới nơi thì các đại đức ở các nơi đã đứng đông cả ở trên đền, đang làm phép trừ bệch cho vua. Thấy nhà sư Minh không là người nhà quê cục cục, các Ngài đều khinh không thèm đáp lễ. Nhà sư Minh không liền lấy một cái danh sắt dài 5 tấc đóng vào cột đền mà quát to rằng :

« Ai nhỏ được cái danh này ra thì xin nhường để trừa trừa ».

Nhà sư nói hai ba lần như thế không ai giả lời, nhà sư bèn lấy hai ngón tay trái khế rút một cái thì danh bật ra ngay. Ai cũng lấy làm kinh sợ. Đến khi vào thăm bệnh vua. Nhà sư Minh-không liền quát to lên rằng :

« Đấng đại-trượng-phu làm vua ngự trị cả trong bốn bề, sao lại còn làm ra cái cách cuồng loạn như thế ».

Vua nghe nói thế lấy làm sợ hãi. Nhà sư liền cho lấy một cái vạc to đổ nước đun sôi một trăm lần rồi thò tay vào ngoáy mấy lượt. Đoạn đem vua vào tắm ở trong vạc ấy. Vua liền tỉnh bệnh khỏi ngay. Vua phong cho nhà sư Nguyễn Minh-không làm quốc sư. Cho mấy trăm nôc nhà dân huộc quyền cung đốn để tỏ lòng bao thưởng.

Năm Đại-định thứ 2 (1140) đời vua Anh-tông nhà Lý, Nguyễn Minh-không Quốc-sư qui Phật thọ 76 tuổi.

4 — Bản tịch 本寂 Thiên-sư

Bản-tịch Thiên-sư trước hiệu là Pháp-mật 法密, Người trụ trì ở chùa Chúc-thánh 祝聖, làng Nghĩa-trụ, Bình-lạc. Quê Người ở làng Tây-kết nhà họ Nguyễn giòng dõi ông Nguyễn-công-Kha là quan Nội cung phụng Đô úy triều Tiền Lê. Bản-tịch từ thừa còn nhỏ, đã lộ ra tướng thông tuệ. Có một vị tăng lạ ở đâu đến trông thấy nói rằng : « Thằng bé này có cái tướng khác phàm, nếu xuất-gia thì đặc-pháp được ». Đến khi lớn lên, Người bèn đi tu bắt đầu đến học ngay ngài Hoa-quang Thuần-chân 華光純真 hiểu được nghĩa đạo, bèn thụ cụ-túc giới. Thuần-chân sư thấy Bản-tịch giữ trọn đạo giới định, học một hiểu mười, bèn xoa đỉnh đầu mà bảo rằng :

« Chính pháp cõi Nam này có ông tuyên dương được ».

Từ đó Bản-tịch Thiên-sư không còn trấp trệ gì về hai nghĩa có với không, kiêm thông cả hai pháp đốn với tiệm. Đi đến đâu đều xái tuôn mưa pháp, các giáo hữu bèn tăng bèn tại-gia cùng những bậc trăm-anh đều qui-mộ đông lắm.

Năm Thiệu-minh thứ ba, Ất-vị (1130), đời vua Anh-tông nhà Lý, ngày 14 tháng 6, Bản-tịch Thiên-sư hội đệ-tử mà bảo rằng : « Thế là vô sự, vô sự ».

Nói rồi : lời thì Người hóa.

GIẢI THÍCH NGHĨA LUẬN - HỒI

(tiếp theo và hết)

Lại những lúc người ta trúng gió độc chẳng hạn, ngã đi, thì phần hồn lìa hẳn ra ngoài phần xác, rồi có người hú hờa hú vía, bấy giờ hồn mới lại nhập vào thể xác mà người sống lại; thế mà hồn không trở lại tức là người chết.

Hồn có thể nhập vào xác hay không nhập vào xác được, tức là đời của hồn vô hạn, đời của xác có hạn. Ấy khi đức Phật Thích-ca sắp hóa gọi môn-đồ mà bảo rằng: « Phái, ta nhắc cho các con nhớ: ở đời cái gì cũng tiêu diệt, duy có lịch hồn là không », cũng là có ý tỏ cho biết là phần hồn vĩnh viễn bất diệt đấy. Nhưng ta nên hỏi rằng nếu người chết hẳn, thì hồn có giữ lại trong những xác khác được không ?

Nhiều người thường cho rằng lúc trời sinh người mới tạo ra linh-hồn nghĩa là mỗi người có một linh-hồn riêng. Thế nhưng một linh-hồn khi sinh ra, thì ta lại nhận thấy có một tính cách đặc biệt riêng. Tính cách riêng ấy ở đâu mà ra ? Nếu trời sinh người rồi mới sinh tính, thì tính-chất đũa bé lúc sơ-sinh là giới tạo ra cho nó, tại vật trí công, không tư vị ai, lẽ tất-nhiên là đũa trẻ nào cũng như đũa trẻ nào, vậy sao lại có đũa mới sinh ra đã có tính ác-nghiệp, tính ấy theo mãi đến lúc chết; có đũa lọt lòng mẹ là ốm yếu gầy còm, đến nổi suốt đời vì bệnh tật mà tính thần suy nhược; lại có đũa xấu xí không thành hình hay ngu độn, mà có đũa thì khỏe mạnh thông-minh ? Cùng là hai đũa trẻ, sao lại khác nhau như thế ? Chẳng qua là kiếp trước chúng đã khéo tu hay vọng tu, nên kiếp này chúng được hưởng hay phải chịu những quả kiếp nhân duyên như vậy. Nói như thế, tức là ta nhận rằng sau khi hồn lìa xác bị, lúc xác thịt chết, lại có thể trở lại dương-gian mà hưởng một cuộc đời khác nữa.

Tuy hiện thời ta chưa tìm được chứng cứ gì hiển nhiên tỏ ra rằng, trước khi đầu thai, người hay loài vật chỉ là

những sắc không hồn, nhưng vin vào thuyết trên này mà nói, thì chính là những sắc không hồn thật, vì nếu mỗi sắc lúc sinh ra đã có sẵn một hồn, thì không thể có những trạng-thái mâu-thuẫn với nhau mà tôi vừa kể ra trên kia được. Nói tóm lại là sau khi là sắc thì lúc sắc bị chết, phần hồn vỡ vụn, phải gặp những sắc không hồn của tạo vật sinh ra, thì lại nhập vào mà nối lại cuộc đời trước kia bỏ dở, như vậy thì nếu người chết hẳn, hồn lại trở lại trong những sắc khác được.

Trên đây là tôi tóm lại mà bàn, nhưng muốn cho rõ ràng minh bạch, tôi xin lược cử ít nhiều thí dụ, rồi theo đây mà xét thì gọn gàng dễ hiểu hơn.

Ta đọc qua lịch sử đông tây, thấy có nhiều người tuổi hãy còn non mà đã siêu quần xuất chúng, công danh sự nghiệp tru tiếng nghìn thu. Ông Vương Bột đời Đường bên nước Tàu chưa đến mười tuổi mà làm được bài **Đăng-vương các tự**, lời lời châu ngọc, khang hằng gấm thêu, đến nay trải mấy xuân thu mà người đời vẫn còn ca-tụng cho là một áng văn kiệt tác. Ông **Tống-Trân** nước ta, tuổi chưa bằng các cậu bé thi sơ học yếu lược bây giờ, đã nhất cử trạng-nguyên. Ông **Pascal**, một nhà bác-học Pháp, tuổi mới lên bảy, đã tìm tòi ra nhiều vấn đề quan trọng về kỹ-hà-học. Ông **Mozart** người nước Áo, mới lên 7 tuổi, đã soạn được những bài đàn, nức tiếng một thời. Ông **William Hamilton** người nước Anh, mới có mười một mười hai tuổi đầu, mà học biết được mười ba thứ tiếng nước ngoài, 18 tuổi đã lừng danh một thời là nhà toán-học bậc nhất. Hiện thời ở làng tôi bên Hưng-yên, có một thằng bé lên 7, lên tám, bố nó làm Chánh-hội, lúc mới lên 5 tuổi, đến nhà ai cứ đọc câu đối cho nó nghe một lượt, vài bốn hôm sau hỏi lại nó đọc không sót một chữ nào. Không những nó có trí nhớ mà thôi, lại có trí sáng-kiến nữa. Nó trông thấy ở một câu đại tự mừng đám cưới có 4 chữ Bích ngô thể phượng 碧梧棲鳳, bé rằng chữ thể 棲 là đậu, chim đậu mà lại

viết chữ 妻 là vợ bên cạnh chữ mộc 木 là cây, thì nghĩa không đất. Sao lại không đặt chữ điền 鳥 bên chữ mộc 木 có được không? Nói tóm lại nó là một đũa tre thông-minh, tiểc thay nhà nó nghèo, nên tài của nó chung quy cũng là vô-dụng mà thôi. Thông minh xuất-chúng như đũa tre này tôi chắc có nhiều chữ chẳng không.

Sao lại có những bậc vĩ-nhân non tuổi, những trẻ đĩnh ngộ như thế? Ta nên biết rằng sự thông-minh không phải là một thứ của hương hỏa, có thể cha truyền con nối được, vì chán người ngu độn để con thông minh, chán người thông minh để con ngu độn. Vậy thì trí thông minh của các vị thần đồng trên kia ở đâu mà xuất hiện sớm thế?

Nếu họ lấy lẽ luân hồi ra mà giải nghĩa ta thấy nó rất hợp theo luật luân hồi, thì những bậc thông minh là những linh hồn đã từng hưởng được biết bao kết quả của sự kinh nghiệm tự đời này góp sang đời khác, mà đã trải qua bao nhiêu đời rồi. Trí thông-minh của họ, họ đã tự tạo lấy cho họ, chứ không phải giới đã dành cho họ. vì nếu giới dành cho họ thì giới lại không công; nói tóm lại nó là món tiền công họ đã được lĩnh sau bao nhiêu đời làm ăn cần thận, vất vả và hằng hái phần dẫu cho đến cùng.

Hai người cùng học đàn; cũng giây ấy, cũng phím ấy; cũng đàn ấy, cũng ông thầy ấy, lại cũng một thời kỳ ấy, thế mà sao một người ta nghe như thể bật-bông, chán tai như ốc; còn một người thì chăm bòng phân minh, lúc khoan lúc nhặt, khiến người nghe thấy mà ngỡ ngẩn lòng? Hai cậu học trò, cùng một lớp, nghĩa là cùng một sức học. Thầy giáo ra cho một bài tính số, một cậu vợ được làm ngay, một cậu ngồi ngậm bút hàng giờ mà không tìm được câu giả lời. Đến giờ làm luận, thầy giáo ra đầu bài rồi, cậu giỏi tính chẳng hiểu ra sao cả, mà cậu kém tính được đầu bài là hiểu ngay làm ngay nên bài.

Sao lại có những sự lạ trái ngược như vậy? Có phải là người học đàn chóng giỏi, người giỏi tính và người

giỏi lý-luận, kiếp trước đã học qua những môn ấy rồi, mà những người kia chưa từng học đến bao giờ ? Lại có người tinh tinh không đi song-hành với người. Có người đàn bà từ ngôn-ngữ đến cử-chỉ rõ ràng chẳng khác gì đàn ông. Có người đàn ông rút rút, ồm ồm như đàn bà. Nếu ta lấy lẽ luân hồi ra mà cắt nghĩa, thì ta thấy đúng lắm. Thật vậy, một linh hồn sinh ra để mà học và biết, có thể nhập vào xác đàn ông, bay xác đàn bà cũng được. Bao nhiêu kiếp trước linh hồn ẩn trong xác đàn ông, ngôn ngữ cử chỉ cái gì cũng đàn ông cả, đến kiếp này đống nhập vào xác đàn bà, thì những ngôn ngữ cử chỉ kiếp trước như đã thành lẽ lối rồi, khó lòng mà che đi cho kín đáo được, bởi thế trong người đàn bà, ta mới thấy những cử chỉ của đàn ông. Nói tóm lại những việc làm ở kiếp trước của ta là nguyên nhân tính nết của ta ngày nay vậy.

Cha mẹ hiền lành phúc hậu chăm chỉ nuôi nấng dạy dỗ con, thế mà có khi không ngăn nổi con làm xấu. Lại cũng có hạng trẻ sinh trưởng ở trong những bầu không khí không được tốt, đại để như bố mẹ trộm cướp; làm bậy làm càn, thế mà vẫn giữ được thiên tính thông minh hiền lành phúc hậu. Sự lạ lùng ấy, duy chỉ lấy lẽ luân hồi mà bàn mới có thể lộn nghĩa được, thực ra cái tiếng của lương tâm đối với điều thiện điều ác, chỉ là sự ký ức những điều kinh nghiệm của kiếp tiền sinh. Bởi vậy người mọi dạ có một tấm lương tâm chất phác thô lỗ, vì lẽ rằng những điều kinh nghiệm kiếp trước của nó còn ít ỏi thô sơ.

Lại còn một hiện tượng này mới lạ chứ, hai người chưa từng quen nhau, mới gặp nhau lần đầu, nói được năm ba câu chuyện đã thân nhau, quăn quít nhau như đôi bạn lâu năm, xét theo nghĩa luân hồi thì những sự kết bạn như thế, nghĩa là kiếp trước hai người đã gặp nhau, quen nhau, thân thiết với nhau, đến nay gặp nhau một lần nữa, thì tự nhiên có thiện cảm với nhau, mà sự

quần quít ngẫu nhiên chỉ là sự chấp nối nghĩa cũ tình xưa mà thôi.

Thưa các ngài, những thí dụ tôi đã kể về phương diện triết lý tuy còn ít ỏi, nhưng tưởng cũng đã lợi đủ. Nay tôi xin tóm cả ba phương diện lại mà kết luận rằng:

Những chứng cứ về phương diện triết lý đã tỏ cho ta biết rằng; phần sắc và phần hồn hợp lại thành một người hoàn toàn. Nhưng phần sắc sống có hạn mà phần hồn sống không có hạn. Phần hồn đã vĩnh viễn bất duyệt thì tất nhiên là không phụ vào phần sắc thì sắc chết. Vì có nhiều lẽ, như sự nhớ kiếp trước, sự thông minh sớm, sự trái ngược của tình tình đối với loài người, vân vân, tên ta có thể chắc rằng sau khi phần sắc chết, phần hồn thoát ly ra ngoài rồi lại nhập vào sắc khác mà lộn lên dương thế được. Vì có sự báo ứng chí công của nhà Phật, nên cái sắc sau này tùy theo sự hành vi về trước của linh hồn có thể không cùng một giống với cái sắc trước; nếu nó có thể là cái sắc người thì nó cũng có thể là sắc một động-vật khác, hay một thực-vật cũng được. Những chứng cứ về khoa-học tôi kể trên kia có thể tỏ cho ta biết rằng sự biến thể không có ảnh hưởng gì tới linh hồn. Bởi vậy mà cái linh hồn từ-thiện của đức Phật (tôi không thay đổi nó đã phụ vào những sắc voi, sắc chó, sắc hươu, vân vân. Nói tóm lại thì khi ta đã nhận rằng một linh hồn có thể trải kiếp này kiếp khác được, tức ta phải nhận rằng luân hồi là có. Gia chi dĩ lại có những việc tôi kể trong phương-diện kinh-nghiệm có thể là hiểu chứng cho thuyết trên này, thì sự luân hồi ta nên tin là có vậy.

Luân hồi đã có thì càng rõ rằng đức Phật không nói dối ta, khi ngài dạy ta rằng trước khi đắc đạo, ngài cũng đã ba chìm bảy nổi với kiếp luân hồi.

Nay ta đã biết rằng luân-hồi là có, thì ta nhận thấy sự biết ấy có ích lợi cho ta nhiều lắm.

1.) Nó giúp cho ta thêm nghị-lực trong sự phấn đấu ở đời. — Tim đến sự sung sướng bay đến nơi cực lạc, đó

là cái nghĩa nhân sinh. Nhưng muốn được hẳn sung sướng, sung sướng đến không ham muốn gì nữa, ta có thể ngồi yên mà được hưởng không? không thể được. Vậy ta phải làm việc, phải phấn đấu, dù gặp sự khó khăn biết mấy đi nữa, ta cũng không ngã lòng. Nói tóm lại là ta phải tu, tu như đức Phật ngày trước, bao giờ cho đến nơi đến chốn rồi mới thôi. Trời đã sinh ra người, đối với ai cũng vậy, đã hạn cho một thời kỳ nhất định, nếu khéo tu thì hạn ấy ngắn, mà vụng tu thì hạn ấy dài. — Ta muốn sung sướng lẽ tất nhiên ta phải làm hết bổn phận ta đối với t, đối với nhà ta, đối với nhân-quần xã-hội ta. Bổn phận ta chỉ cho ta làm điều thiện, lẽ tất nhiên là nếu ta làm điều thiện ta sẽ làm ngắn được cái hạn đã định kia, mà sớm đến nơi cực lạc.

2.) Nó làm cho ta coi ai cũng như anh như em. — Một anh ăn cướp giết người, một ông liềm triết, một ông thánh, ai cũng có một đời như thế, một bộ óc như thế. Khác nhau chỉ là ở chỗ anh ăn cướp giết người sinh ra sau ông hiền-triết hay ông thánh nhiều kiếp, mà con đường các ông này đã qua về bao nhiêu thế kỷ trước, nay anh ta mới bước bước đầu, vậy thì bọn hậu tiến chỉ là bọn đàn em, mà bọn tiền tiến cần phải nâng đỡ, một đời người không thể đi làm cho một anh mán nên ngay được ông Platon, ông Pasteur, ông Lý-Thái-Bạch, ông Nguyễn-Trãi, hay vua Hán-vũ-đế được. Sự giỏi giang là một nét đã từ bao kiếp mới có thể hoàn toàn được.

3.) Nó làm cho ta vui lòng làm điều thiện, cho dầu điều thiện ấy không có kết quả ngay trong đời ta. Đức Phật làm điều thiện nên mới tới được Niết-bàn. Ta làm điều thiện, thì chậm hay chóng, thế nào ta lại chẳng giống cây có ngày hái quả?

Thưa các ngài, nếu ta cứ suy mãi ra thì sự biết rằng vẫn hồi là có ích cho ta về đủ các phương diện, chứ không những chỉ ở mấy điều tôi nói ở trên này về chỗ nói về luân hồi. Tôi lược cứ mấy điều ấy ra mà nói, cốt chỉ tỏ

ra rằng thuyết luân hồi có quan-hệ mật thiết tới cái nghĩa làm người mà thôi vậy.

Nhưng trước khi kết thúc câu chuyện tôi tưởng không nên quên đoạn này mà tôi thấy ở pho « Phật-thuyết đại-thừa kim-cương kinh luận », Đức Phật dạy rằng :

六道四生，惟人最貴，惟人最靈，佛
從人中修成，業從人中造就，人能
修福，決生天上，人若造惡，必墮地
獄，有德為神，有道成聖，福罪有因，
不由近定，臨命終時，隨業受報，入
道最貴，餘道不及，一失人身，萬
劫不復。

Xin dịch ra như sau này :

Hằng hà sa số chúng sinh,

Còn gì quý trọng anh linh hơn người ;

Các vị trên chốn Phật đài,

Tu hành cũng trải kiếp người mới nên ;

Lại còn chữ nghiệp chữ duyên,

Đữ lành báo ứng gây nên lợi người ;

Ai hay nhen phúc đắp bồi,

Kiếp sauắt được lên nơi Thiên-dường ;

Ai mà độc ác phũ phàng,

Kiếp sau địa-ngục là đường phải đi ;

Ai hay có đức có nghi,

Kiếp sau thần, thánh lên vì ngôi cao ;

Mình khốn lĩnh trước được nào,

Bởi chưng kết-quả trông vào tạo-nhân ;

Đến khi xa lánh cõi trần,

Nghiệp mà đã tạo, thì thân đến bồi ;

Ngẫm xem các đạo trên đời,
Đạo nào ăn đứt đạo người được du ?
Vi bằng vụng dại đường tu,
Nhân thân đã mất, muốn thu luân-hồi !

Nghĩa đoạn này như vậy kể cũng đã rõ lắm, thiết-tưởng không phải bàn dài dòng cho lắm. Duy khi đọc xong lời dạy của đức Phật tổ, tôi thấy có hai cái quan-niệm tương phản nhau, một cái nó làm cho ta vui mừng hãnh diện, một cái nó làm cho ta đột chốc lo âu.

Cái quan-niệm thứ nhất là gì ? Theo lời đức Phật tổ, thì người là quý là linh hơn tất cả các chúng sinh. Đức Phật cũng đến lúc giáng sinh làm người rồi thì mới tu thành chính quả. Như thế là qua kiếp người có thể trở nên Phật được. Các ngài với tôi đây, biện thời ta đã là người cả rồi. Biết đâu không phải rằng ta đã cùng nhau tu luyện đến bao nhiêu kiếp, mà lại khéo tu nữa, nên bây giờ ta mới tới được địa vị này ? À, thế ra chỉ mãn kiếp này là ta đã có thể ngẩng nghé lên ngồi tòa sen được rồi đấy. Chao ôi ! đáng mừng biết bao nhiêu ! đáng hãnh diện biết bao nhiêu !

Nhưng thông-thả đã ! Cái quan-niệm thứ hai tôi thấy nó khắt khe đáo để, làm cho cái cao hứng vừa rồi mười phần chỉ còn độ ba bốn phần thôi. Tôi là người, tôi khôn ngoan hơn cả, tôi có thể một lược thành Phật, được rồi, tốt lắm. Nhưng nếu tôi chỉ tu bành qua loa cho tặc trách mà tôi thành được Phật, thì có lẽ thiên đường chật những Phật, vì nạn « Phật mãn » tràn xuống nhân gian ?

Không, tôi là học trò ư ? Nếu tôi chỉ đi học vở lấy mầy tấm bằng cử-nhân, tiến-sĩ, bác-sĩ, thạc-sĩ, rồi tôi ra làm quan, rồi tôi chỉ nghĩ đến những chuyện yên thân phì gia, vinh thế ấm-lũ, nếu tôi chỉ là một công chức xấu, không bỏ ích gì cho xã-hội, thì tôi thành Phật thế nào được ?

Tôi là người làm ruộng, làm thợ, đi buôn ư? Nếu tôi chỉ làm để nuôi vừa miệng tôi, nếu tôi chỉ ăn bám vào với xã-hội, nếu tôi có làm một cách điên đảo mục-đích chỉ cốt để làm giàu rồi nhân địa vị giàu, tôi đề nếm hiếp chóc người đồng loại với tôi, thì không những tôi không có ích gì cho xã hội, mà tôi lại có hại cho nhân-quần nữa. Như thế mà bảo rồi hết kiếp tôi thành Phật được, thì nhẽ công của giới đất để đâu?

Tôi là phụ nữ ư? Nếu tôi chỉ tu hành bằng những sự trai lơ đồng đánh, rồi tôi quên cả bổn phận của người gái ngoan, người vợ dôi, người mẹ hiền có quan hệ mật thiết đến xã hội, mà tôi cũng thành Phật được, thì còn gì là thiên đạo nữa?

Tôi không thành Phật được thì hết kiếp tôi sẽ trở nên cái gì? Đức Phật dạy rằng nếu không thành Phật tôi lại lộn vào vòng luân hồi, mà rồi họa là ngoài muốn kiếp tôi mới lộn lên làm người được.

Như thế có đáng ghê sợ hay không? Nhưng chỉ sợ ta chỉ biết vui mừng hân-hỉ-điện rằng ta là người ta có thể thành Phật được thôi, chứ nếu ta biết sợ rằng nếu ta không tu thì vạn kiếp bất phục, thì còn nói gì nữa? Vì ta sợ thì ta không dám làm xằng, ta không làm xằng, thì tức là ta tu, ta đã tu thì biết đâu hết kiếp ta không thành Phật.

Nam mô A-di-đà Phật
Nguyễn huy-Đại

*Có đạo đức mới nên
người sang và đẹp*

Ngài Minh-giáo-Tung (1) Hòa Thượng (2) nói: tôn không gì hơn đạo, đẹp không gì đẹp hơn đức, người bình dân mà có đạo đức cũng là tôn quý và đẹp đẽ; người giàu sang, dù có cả đến thiên hạ mà không có đạo đức, cũng

là hèn hạ và xấu xa. Kìa như ông Bá-gi và ông Thúc-Tề, chỉ là người chết đói ở núi Thù-dương, nhưng hai ông thực nặng lòng về hiệu liêm, trung nghĩa mà phải chết đói, nên ngày nay đem ai mà sánh ví với Gi, Tề thì người ấy rất vui lòng; lại đến như chúa Trụ, chúa Kiệt sang đến làm thiên-tử, giàu có cả bốn bề mà hoang dâm vô đạo, sát hại sinh linh, nên nay đem ai mà ví với Kiệt, Trụ thì người ấy rất lấy làm bức rộc. Ngẫm thế thì biết người đời nào cũng quý đạo đức, liêm biểu hơn công danh sự nghiệp, mà người ta sợ dī chỉ nên lo ở mình không có quyền thế.

1. Minh-giáo-Tung : Minh-giáo Tồ sư hiệu riêng là Tiềm-Từ về giòng họ Lý, quán châu Đẳng thuộc đất Đàm-tân, sinh ra đã bẩm sẵn tính cách suất trần, năm lên bảy tuổi xuất gia học ngài Hiền-thông Tồ-sư ở chùa Đẳng-sơn, năm mười ba tuổi được đăng đàn thụ giới sư bác, sự học vấn lại càng đôn đốc thiết tha lắm, đến năm 19 tuổi, Hiền-Thông Tồ sư thấy ngài thông minh dĩnh ngộ phi thường, mới cho đi tham vấn các bậc cao tăng thực đức ở các nơi thuyên lâm pháp hội, đề câu mở rộng kiến văn, rửa mài chân-trí, tuy hết sức theo đuổi về đường học vấn mà sự du học ở đời bấy giờ rất lấy làm gian lao, thế mà trong mình bao giờ cũng đeo một bức tranh tượng Phật, Bồ-tát đề trì niệm, mỗi ngày niệm được đúng mười muôn câu. Nghĩa là vừa nghiên cứu học tập và vừa tâm niệm mới được nhiều như vậy. Nói đến sự học của ngài thì chẳng là thông hiểu Phật-giáo mà thôi, kinh điển thế gian cũng đều thông hiểu nữa. Sau khi học đã thành công mới trở về nối nghiệp thầy và chủ chương chùa Đẳng-Sơn, hầu đem triết trưng cả Phật-giáo, Nho-giáo, Và Lão-giáo về một đạo lý, mới làm ra bộ sách Nguyên-giáo đề bẻ những nhời của ông Hàn-Dũ bài Phật mà khôi phục lại được tôn không ở Đường - đại. Ông Trình-sư-Mạnh được xem bộ sách của ngài làm ra, rất lấy làm-khâm phục, mới bạch xin đem sách ấy triều tấu lên vua Tống-nhân-

Tôn, vua xem cũng rất lấy làm khen ngợi cho đổi tên là sách Phụ-giáo, chiếu giao cho quan Sử-thần thu vào thư-lạng để làm bảo thư và bao tặng tên cho ngài là Minh-giáo-Hòa-thượng, lại ban cho từ-y phương-bào (áo thụng và áo cà-sa đều bằng vóc đỏ).

2. Hòa-thượng : chính tiếng bên nước Phật thì gọi Hòa-thượng là Ô-ba-ca, sau Phật-giáo truyền sang đến nước Vu-diều các bậc Kinh-sư lại dịch tên Ô-ba-ca là Hòa-thượng, sang đến nước Tàu lại gọi Hòa-Thượng là Lực-sinh, Lực-sinh nghĩa là ông thầy dạy học đạo ; người mới đi xuất gia đều phải nhờ công ơn giáo hóa của thầy Lực-sinh thì mới rèn đức được pháp-thân, lại nhờ có của công đức nuôi nấng mới trưởng thành được tuệ-mệnh, vì thế mà phải tôn thầy là lực-sinh.

3. Bá-Gi, Thúc-Tề : — Vua nước Cô-trúc sinh trưởng được ba người con gái, ông Bá-gi là con cả, ông Thúc-Tề là con thứ ba, hai ông đều bẩm tính thanh liêm, không biết vì cớ gì mà vua Cô-trúc sắp băng-bà lại dặn triều-thần lập Thúc-Tề nối ngôi làm vua, đến khi triều thần y quán mệnh mà lập ông Thúc-Tề, nhưng ông Thúc-Tề từ rằng : « Tôi là phận em út mà Bá-gi là hàng anh trưởng, phận là em mà tranh cơ nghiệp của anh, theo như lẽ giới thì là bất nghĩa, có lẽ nào tôi lại mê phú quý một thời mà bỏ nghĩa cả muôa năm chế cười ; triều thần lại lập ông Bá-gi, ông Bá Gi cũng từ rằng : phụ vương tôi khi còn tại thế đã dặn lập Thúc Tề, có lẽ nào tôi lại trái phụ mệnh mà tranh cơ nghiệp của em. Thành ra ông Thúc-Tề thì lấy thiên luân làm trọng, mà ông Bá-gi cũng lấy phụ mệnh làm tôn, không ông nào chịu lên ngôi bầu trị dân, rồi cùng nhau bỏ nước trốn ra ngoài biên Bắc. Triều thần bất đắc dĩ phải lập ông thứ hai lên nối nghiệp vua.

Nói về hai ông từ khi ra ở bãi bể nghe thấy tước Tây Bá (vua Văn vương) lấy nhân chính trị đất Tây-kỳ, mà lại có lòng tôn hiền dưỡng lão, nên hai ông vui về với quan Tây bá, nhưng chưa được bao lâu thì quan Tây-

Bá cũng Bãng-hà, con là ông Cơ-phát (vua Vũ-Vương) lên tập tước bá, gặp phải chúa Trụ sấm bô nhân-nghĩa, tàn hại thần dân, trong thiên hạ đều coi chúa Trụ như là một kẻ độc phu, bấy giờ sự bất đắc dĩ mà ông Cơ-phát phải cử nghĩa-binh để đánh chúa Trụ cứu cho thiên hạ khỏi nạn lầm than treo giặc, khi quan quân đi qua đất Mục-dã thì gặp ông Bá-Gi, ông Thúc-Tề, ra đón đường dâng cương ngựa, khảng khái trách ông Cơ-phát rằng : « cha chết chưa tròn xong, mà đã động dụng đến việc binh đao, có đáng gọi là hiếu không ? làm tôi mà đi giết vua có đáng gọi là trung không ? » Bấy giờ tá hữu vũ-sĩ đã toan giết thì có ông Thái-công-Vọng gạt lại mà can rằng : « Ấy là người đại nghĩa ta không nên giết », đoạn rồi Thái-công dắt cả hai ông ra khỏi đám quan quân. Đến khi chúa Trụ đã chết, ông Cơ-phát lên làm Thiên-tử, nối ngôi nhà Thương đổi hiệu là Chu.

Gi, Tề thấy thế rất lấy làm xấu hổ, bỏ không ăn lộc nhà Chu nữa, rồi hai anh em cùng nhau lên ẩn cư ở núi Thú dương cùng lấy rau vi để ăn dùng. Khi hai ông sắp bỏ lộc nhà Chu lên núi Thú dương hái rau vi, có làm bài ca Thái-vi rằng :

Đặng bĩ tây sơn hề,	登彼西山兮,
Thái kỳ vi dĩ,	采其薇矣,
Dĩ bạo, dịch bạo hề,	以暴易暴兮,
Bất tri kỳ phi hĩ,	不知其非矣,
Thần nông Ngu Hạ,	神農虞夏,
Hốt yên một hề ;	忽焉沒兮,
Ngã an thích quy hĩ,	我安適歸矣,
Hu ta tồ hề,	吁嗟徂兮,
Mệnh chi suy hĩ.	命之衰矣,

DỊCH NGHĨA

Rằng : *thôi, lên núi Thú dương,*

Rau vi diêm dạ cương thường đủ no.

Mượn nhân đòi bạo gậy trò,
 Bỏ đều nghĩa cả mưu đồ bắt mình.
 Đường, Ngu nhân hạ triều đình,
 Bổng theo thế vận bất bình đòi thay.
 Về đầu cho ổn thân này,
 Vạy thôi lên đỉnh non mây cũng vừa.
 Giốc bầu tâm sự đem ca,
 Đòi suy thân ần còn ngờ nổi chi.

Đứng Tiên-nho bàn rằng : Gi, Tề dằng cưỡng ngựa mà can ngăn vua Vũ Vương, tuy nhiên không kéo lại được nghĩa binh ở đồng Mục-dã nhưng mà nhờ nghiêm nghĩa chính của hai ông thực đủ chống vững mối cương thường trong nghìn muôn năm ; đến như không ăn lộc của nhà Chu mà chết đói ở núi Thù-dương, còn để lại cái thanh-phong cao tiết lẫm lẫm liệt liệt ở sử xanh, khiến cho người đời sau nghe mà phải cảm hóa kính phục ; nên đức Khổng-tử khen là « nhân », ông Thái-công-Vọng khen là « nghĩa », thầy Mạnh-Tử khen là « thanh » đáng lắm thay !

Nhưng bàn cho phải thì vua Vũ-Vương dùng quyền nghĩa một thời, mà đánh chúa Tru đề cứu thương sinh cấp nạn là chủ nghĩa cứu-quốc, mà hai ông can đi là giữ lấy kinh đạo muôn đời đều biết tôn quân thân là chủ nghĩa trung quân, một bên dùng quyền nghĩa, một bên giữ kinh đạo, rút lại cũng đều trúng thiên-lý và Lợp nhân tâm cả, mà thánh-hiền sử dĩ khen Gi-Tề là có ý khiến cho muôn đời trông thấy hòn đá trên núi Thù-dương mà lòng còn nghĩ đến dấu vết đường bệ Thương, Chu.

4. — Chúa Kiệt : là con vua Đế-pháp chính tên là Lý-Quý, làm người quá ư vô đạo dữ tợn cứng cỏi, tàn ngược tham dâm, hay chuộng vũ lực giết hại lương dân, người trong thiên hạ đều lắc đầu ta oán, lấy làm kính sợ, tiếp đến đánh được họ Hữu-thi, họ Hữu-thi mới đem nàng

Muội-Hỉ cống đến, rồi say mê cùng nàng, đến nỗi thu rút gần hết của thiên hạ về làm Quỳnh-cung Cao-đài, thết treo ngang rừng, rượu đồ tây ao có thể vận trở thuyền được, bã rượu đồ lên tựa đê, đứng lên đồng bã có thể trông sieht nười dặm đường, mỗi khi rung một hồi trống có lời ba nghĩa người vào uống, làm như vậy để cầu cho nàng Muội-Hỉ cùng mình cười cợt vui thú, say mê đến nỗi ba tuần không hỏi đến việc triều-đình, quan đại thần là ông Long-Bàng tiến can, đã không nghe lại đem giết chết. Vua Thành-Thang nghe thấy rất lấy làm đau khổ, hầu sai sứ thần đệ sớ vào bệ kiến khóc lóc can ngăn cũng lại nôi dạn bỏ tù vua Thành-Thang ở ngục Hạ-đại, sao bất đắc dĩ lại phải tha. Vua Thành-Thang tuy là một vua "chư-hần, nhưng thiên hạ đều tôn là đạo đức nhân chính, vì thế nên ông Y-doãn mới dáp vua Thành-Thang đuổi ông Kiệt đến đất Nam-sào mà chết, vua Thành-Thang lại lên ngôi thiên-tử đổi nhà Hạ là nhà Thương.

5. Chúa-Trụ : Trụ là con vua Đế-ất nhà Thương, đời ông làm nhiều những sự tàn nghĩa tổn thiện, nên mới đặt tên là Trụ, cơ nghiệp nhà Thương đến ông là hết.

Xem trong sử bổ-chính thiếu-vi, thì sự tàn bạo hoang dâm của chúa Trụ có thể bội phần chúa Kiệt, và vua Vũ-vương lẽ tất nhiên cũng phải dùng quyền nghĩa, giết đi để cứu thiên hạ, nên thầy Mạnh-Tử nói : Vua Vũ-Vương một lần dạn mà định yên thiên hạ. Vậy thời việc vua Vũ-vương đánh chúa Trụ cũng đúng thiên lý hợp nhân tâm như việc vua Thang đánh chúa Kiệt.

Sa-môn TỐ-LIÊN

VỚI VIỆC THỰC-HÀNH

BÓ VÀNG MÃ

Đuốc-tuệ vài năm nay đã già sức hồ h
lục đốt « vàng mã », đó là một việc bất đ
giốc dân bỏ
ii-cách trong

cái chương-trình cải cách lớn lao của hội Phật giáo Bắc-kỳ.

Những ý-kiến về việc bỏ « vàng mã », thiết tha như lời thuyết-pháp của sư óng Tri hải, uyển-chuyển như bức thư của Tuệ quang nữ sĩ trong văn tập Quảng-tràng thiết cư sĩ v. v. đều đã đem hết mọi cái lý do mọi chỗ vô-lý của tục đốt « vàng mã », giải bày cho công-chúng biết cái lệ-tục ấy nên kip trừ khử, nhất là ở cái đời văn-minh ngày nay.

Thề nhận mục đích của hội chính và hưởng ứng với tiếng gọi của Đuốc-luệ, chi hội Phật giáo Hải-dương đã thực hành được việc bỏ đốt « vàng mã » ở nơi hội quán rồi. Như bài « Một việc cải-cách lớn đã thực hành ở chi hội Phật giáo Hải-dương », ở Đuốc tuệ số 93 mà Mãn trai tiên sinh đã ký thực. (Hình ngày rằm tháng bảy ta vừa rồi chi hội tỉnh Hải dương đã thực-hành việc ấy, do cụ Chánh Đại-lý, Tuần-phủ tri-sĩ Trần văn-Đại cực lực chủ-trương. tại hội quán chi hội Phật hải dương từ nay trở đi, người ta sẽ không còn thấy thói « vàng hồ » cùng những quần áo giấy, ô-tô giấy, cờ hầu giấy của các nhà tin chủ quý-phái đốt cho vong linh nữa. Người ta sẽ chỉ thấy những lễ vật bằng hương hoa bằng sự tụng niệm, giảng đọc mà thôi. Gọi là một việc cải-cách lớn cũng không phải là quá.

Lại một cái ảnh hưởng rất lớn một cái trợ lực rất mạnh, là quan Tổng-đốc Hà-dông Vi-văn-Định Ngủ đang sốt sắn đón đốc lĩnh hạt thực hành bỏ « vàng mã » là cái tục hại-tiền một cách vô lý :

Như vậy cái mục đích cải-cách bắt đầu của hội Phật-giáo là bỏ « vàng mã », chẳng bao lâu sẽ ảnh hưởng cả toàn quốc. Thực là đáng mừng.

Tuy thế nhưng chính ở Hanoi là chốn thủ đô, người ở đông đảo phần tập đủ các phái, nên việc thay đổi nào cũng đều sớm nhất mà cũng đều khó làm cho nhất

luật được. Tức như việc bỏ « vàng mã » này, xướng xuất từ Hanoi, người Hanoi thực hành bỏ tục ấy thực nhiều mà người Hanoi còn giữ tục ấy cũng vẫn chưa hết. Chính ở Hội-quán hội Phật giáo chùa Quán-sứ, trong chùa tự bỏ tục đốt vàng-mã đã lâu mà hội viên hay là giáo hữu trong thành phố cũng chưa theo được hết. Thường có những nhà doanh nghiệp khá giả hoặc là người Tàu, hoặc là người Ta, vẫn yên chí cách tin-ngưỡng đạo Phật theo thói cũ. Và bận nhiều công việc, ít xem đến Đuốc-tuệ, nên một mai có việc làm lễ truy tiến gia-tiền, các nhà ấy cứ tuân cổ lệ xăm-xanh đủ « vòng mã », rồi mới đến xin vị nhà chùa làm lễ cúng cho. Việc đã nghiệp kinh, mã bội lại xa hoa phí một món tiền lớn rồi, cảm lóng hiểu thảo của chủ nhân và không muốn làm sự cãi cách lối kịch liệt, nên nhà chùa lại phải cho hiểu-chủ đem những đồ mã-bội ấy vào cửa chùa, song cũng đã đem hết mọi lễ vô-lý của tục đốt ấy mà nói với tín-chủ để mong khai ngộ.

Bởi vậy, mong các giáo hữu xa gần nên lấy chính-giác, mà hiểu tới chỗ chân lý của đạo Phật thế nhận mục-đích của hội Phật giáo Bắc kỳ, mà hững hái trừ khử mọi cái hủ tục như việc đốt « vàng mã », cho đạo ngày thêm thuần túy chân chính, làm ích lợi cho đời, thì từ nay các nhà tín chủ có làm lễ truy tiến cho gia-tiền, nên theo như lễ nghi ở chùa hội quán tỉnh Hải-dương.

ĐUỐC TUỆ



TÂY - VỰC KỲ

(tiếp theo)

Trong vòng ngàn năm sau khi Phật vào Niết-bàn rồi có 100 vị tăng cùng lại học hạ, hạ xong đều chứng A-la-hán bay lên trời đi. Sau ngàn năm đó phàm thánh cùng ở, từ 100 năm trở lại đây, Sơn-thần đổi tính, quấy rối người qua lại, nên ai cũng sợ, không dám đến nữa, vì thế mà bây giờ chùa chiền bỏ hoang, không có tăng ở. Về phía Nam cách thành một ít, có quả núi đá lớn, tức là chỗ ngài Thanh-biện Luận-sư (Bà-ti-phê-ca) ở cung Tổ-lạc đợi ngài Từ-thị Bồ-tát thành Phật để quyết các điều còn ngờ ở đó, Pháp sư ở trong nước ấy gặp 2 vị : 1 vị là Tô-bộ đề, 1 vị là Tô-lợi-gia, rất thông hiểu Đại-chúng-bộ Pháp sư mới lưu lại 3 tháng học Đại chúng bộ và các bộ Luận Căn-bản-a-ti đạt-ma, v. v. Các vị sư ấy cũng y Pháp sư, học các bộ Luận Đại thừa, mới kết tập đồng chí, đi tìm lễ thánh tích.

Từ đó đi về phía Tây hơn 1000 dặm, đến nước Châu gia lợi (Nam Ấn độ) Về phía Đông nam kinh thành có cái tháp. Do vua Vô ưu xây lên, tức là chỗ Phật-tử xưa hiện đại thần-thông hàng phục ngoại đạo, thuyết pháp độ cho nhân-thiên ở đó. Về phía Tây kinh thành có ngôi chùa cũ, tức là chỗ Đề bà Bồ-tát cùng ngài Ôt-dát-ra A-la-hán ở chùa ấy cùng luận đạo, Đến phần thứ 7 truyền đi, ngài La-hán không-nói gì nữa, mới dùng thần thông lên lên cung Đê sử đa, hỏi ngài Từ thị Bồ-tát. Bồ tát giải thích cho hiểu và bảo rằng :

— Ngài Đề-bà kia là 1 bậc tu hành đã giẫy công đức, đến Hiền kiếp này sẽ thành chính giác, người chớ khinh thường. La hán trở về, giải lại các nghĩa trước. Ngài Đề bà nói :

Đó là nghĩa của Từ thị Bồ tát, chứ không phải cái trí của nhân-giả hiểu nổi được. Ngài La-hán sáu hồ cảm phục sự sống lấy tạ ở đó.

Từ đó đi về phía Nam, qua cánh rừng, đi chừng 1500

đậm, đến nước Đạt-la-ti-đồ. Kinh thành lớn nhất gọi là thành Kiến chí hồ-la, tức là chỗ ngài Hộ-pháp Bồ-tát (Đạt ma ba la) sinh ở đó. Bồ tát là con 1 vị đại thần ở nước ấy, thừa kế đã có trí thông minh hơn người; Khi lớn vua yêu tài ngài lắm, muốn gả công chúa cho ngài. Ngài nhờ có công tu đã nhiều kiếp không có lòng tham ác. Đến tối sắp thành hôn, ngài lấy lam lo phiền lắm mới đến trước tượng Phật cầu gia hộ cho được thoát khỏi nạn này. Lòng chí thành cảm đến Phật thánh, Đêm hôm ấy có một vị Đại thần đến công ngài qua thành bỏ vào trong 1 ngôi chùa cách sa thành chừng 30 dặm. Chư tăng trong chùa trông thấy, ngờ là kẻ trộm; ngài mới kể rõ nguyên ủy, ai nghe cũng kính lạ, và tôn trọng cái trí thanh cao của Ngài. Ngài liền ở đấy xuất gia. Về sau chuyên tin: chính pháp, học thông cả các bộ. có tài chước thuật, mới làm ra bộ Thanh minh tạp luận, 25000 bài tụng, lại giải thích các bộ như: Bách luận Duy thức luận và Nhân minh luận, đến hơn 30 bộ, đều thịnh hành ở đời cả, muốn rõ tài cao đức lớn của Ngài, xin xem truyện riêng của ngài. Thành Kiến-chí là cửa bể Nam nước Ấn-độ, đi theo đường thủy, chỉ 3 ngày thì tới nước Tăng-già-la. Đang khi toan đi, thì vua nước ấy chết, trong nước dấy loạn, có các vị Đại đức như ngài Bồ đề mẹ kỹ, ngài Thấp-phạt-la ngài A-bạt gia, ngài Đặng sảo-sổ-la, v. v. cùng hơn 300 vị sư chạy sang Ấn-độ, tới thành Kiến-chí cùng Pháp sư cùng nói chuyện, Pháp sư hỏi:

-- Tôi nghe bên quý quốc có nhiều bậc Đại đức thông hiểu ba tạng bộ Thượng-tọa và Du-già-luận, nên nay muốn sang sam học, dám hỏi các ngài vì có gì mà lại đây? Các sư nói:

-- Vì vua nước tôi mất, nhân dân hoang loạn không chỗ nương nhờ, nghe nói bên này phong phú yên ổn là chỗ Phật sinh, có nhiều thánh-lịch nên mới cùng tới cả đây, Vả lại nương nhà hiền đạo thì cũng không ngoài bọn chúng tôi, vậy ngài có điều gì ngờ xin tùy ý hỏi. Pháp

sư đem các điều đại đoạn trong luận Du giả ra hỏi, thì cũng không ngoài cái nghĩa của cụ Giới-hiền.

Từ đó đi độ hơn 3000 dặm, có nước Mạt-la củ Tra (Nam Ấn-độ) ở ven bể, có rất nhiều cửa báu lạ. Phố đông thành ấy có một cái tháp, do vua Vô ưu xây lên, tức là chỗ Như lai thuyết pháp ở đấy. hiện đại thần-thông độ cơ man là chúng sinh ở đấy. Phía nam ven bể, có một quả núi gọi là núi Mạt-thích-gia, bang hốc sâu hiểm trong có cây bạch đàn hương, cây Chút đan, cây Ấy giống như cây bạch dương, chất nó mát lạnh, rắn hay ở lẩn, đến mùa đông nó mới ẩn vào hang; lại có cây yế-bồ-la hương, thân như cây thông mà lá thì khác, hoa quả cũng khác, lúc rụng không thơm, phơi khô rồi bẻ ra, trong có chất thơm giống như vân mẫu, sắc trắng như tuyết, tức là long não hương vậy. Lại nghe về phía đông bắc có một cái thành, đi qua đấy độ hơn ba ngàn dặm. Đến nước Tăng-già-la (Tầu dịch là nước chấp sư tử, ngoài cõi Ấn độ) nước ấy chu vi hơn bảy dặm, kinh thành chu vi hơn 40 dặm, nhân dân đông đúc, mùa màng rất tốt, người đen mà tinh tinh rất hung dữ, Nước ấy ở về bên bể, có nhiều cửa báu lạ. Sau ở Nam Ấn-độ, có người gả con gái sang nước láng giềng, khi đưa dâu giữa đường gặp con sư-tử chúa, các người đưa dâu đều chạy chốn cả, chỉ còn một mình cô dâu ngồi ở trong xe, con sư-tử mới cõng về chốn rừng sâu, hái quả bắt muông để cung cấp cho cô dâu, lâu ngày quen nhau, sinh con đẻ cái, hình tuy giống người mà tinh thì hung dữ lạ. Đứa con giai dần lớn lên mới hỏi mẹ rằng, chúng tôi là loài gì mà bố là giống thú, mẹ lại là người. Người mẹ mới kể lại truyện xưa cho nghe. Đứa con nói :

Người thú khác nhau sao không bỏ đi cứ ở mãi?

Mẹ nói : Không phải ta không muốn thế, chỉ vì không có kế gì mà đi được thôi. Sau đứa con theo cha lên núi vào hang thuộc hết tung tích rồi một hôm đi lúc

cha đi, xa rồi mới giặt nịch và em gái đi, về đến nước cũ, hỏi thăm đến các cậu thì đã chết cả rồi, mới ở nhờ trong làng ấy. Con sư-tử chúa về, không thấy vợ con đâu, lấy làm tức bực lắm, chạy ra ngoài hang kêu rống rầm trời, dân gian đi lại phần nhiều bị nó cắn chết, mới lên tâu vua. Vua cho đốc xuất quân Ki quân Tượng và mộ nhiều mãnh sĩ toan vây bắt nó. Con sư tử trông thấy quan đến nổi dạn gươm thét, người ngựa đều chết khiếp, không ai dám tới vùng ấy nữa. Vua mới cho yết bằng huyện thưởng, ai giết được con sư tử ấy, sẽ thưởng cho một ức bạc. Đứa con nghe tin nói với mẹ rằng : Ở đây đói rét khổ sở, con muốn ứng mộ nhà vua có nên không? Mẹ nói : Nó tuy là giống thú, nhưng cũng là cha mày, nếu giết chết nó sao gọi là con được. Đứa con nói : Nếu không giết thì nó không đi, có khi nó tìm đến đây vua nghe biết tin thì mẹ con mình cũng phải chết. Vả nó làm hại người nhiều lắm, nữ nào vì một nó mà đề hại bao nhiêu người, nghĩ đi nghĩ lại, cứ ra ứng mộ là hơn. Đứa con nói rồi, giặt dao nhọn đi, con sư tử trông thấy con, hơn hờ vui mừng vuốt ve hôn hít, đứa con thừa cơ cầm dao nhọn đâm thẳng vào họng, xuất đến tận bụng, con sư tử bị đau như thế mà vẫn một lòng từ ái tình thâm, không nỡ hại con, ôm bụng mà chết. Vua nghe tin vui mừng khôn xiết, hỏi đứa con làm thế nào mà giết được con sư tử, đứa con trước còn dấu, sau vua hỏi vẫn mãi, phải thú thực. Vua nghe rồi thở dài nói. Than ôi! nếu không vì loài súc vật ấy thì ai biết được tấm lòng ấy. Song ta đã hứa cho tiền thưởng, thì cũng không có sai lời, nhưng người là kẻ giết cha là người tàn ác bất nhân, không được ở trong đất nước ta nữa. Phán rồi truyền cho quan hữu tư cho nhiều tiền bạc về đuổi ra ngoài nước. Đứa con đóng hai chiếc thuyền, khuôn của để cả xuống đấy rồi bơi ra bể, mặc gió thổi đi, sau giặt vào đó, thấy cảnh vật tốt đẹp, liền ở lại đó.

(còn nữa)

者，不近惡友，常求遠離佛所說法，初不違失，爾時世尊而說偈言。

少有眾生，在於世間，得大富貴，而不憍慢，得憍慢者，不得離苦，若不憍慢，速得解脫，無憍慢者，決定解脫。有憍慢者，必墮惡道，斷憍慢者，不名為死，有憍慢者，乃名為死。

復告大眾，汝等知有生老病死，今世後世精神輪轉，更受形，不諸人答言，不知世尊。佛言，汝等當知，眾生

以此四事等因緣繫縛精神，輪轉五道，不知生所從來，死所趣向。爾時世尊而說偈言：

無常計有常，不淨計有淨，實苦而言樂，無我計有我，
眾生生死中，深著於倒見，千萬億劫中，不知生死本，
若有人能解，真實大法者，能知此非常，最爲大苦本，
若人見垢濁，斷除三毒本，必能得成就，無上之大法，
復告大眾，以結使故起，諸因緣，以因緣故受，諸苦惱，
以是之故輪轉生死，色不至後世，受想行識，不至後

PHẬT THUYẾT TU-MA-ĐỀ TRƯỞNG-GIÀ KINH

(tiếp theo)

HÁN

bất cận ác hữu, thường cầu viễn ly. Phật sở thuyết pháp,
sơ bất vi thất. Nhĩ thời Thế-tôn nhi thuyết kệ ngôn :

Thiền hữu chúng sinh,	tại u thế gian,
đắc đại phú quý,	Nhi bất kiêu mạn,
đắc kiêu mạn giả,	bất đắc ly khổ
Nhược bất kiêu mạn,	tốc đắc giải thoát.
Vô kiêu mạn giả,	quyết định giải thoát ;
Hữu kiêu mạn giả,	tất đọa ác đạo.
Đọa kiêu mạn giả,	bất danh vi tử ;
Hữu kiêu mạn giả,	nãi danh vi tử.

VIỆT

gần bạn ác, lại tìm lối xa lìa. Đối với những phép Phật đã
nói, không trái không quên. Bấy giờ đức Thế-tôn lại nói một
bài kệ rằng :

*Thế gian có mấy chúng sinh,
Giàu sang mà chẳng có khinh nhờn người.
Khinh nhờn chịu khổ đời đời,
Không khinh nhờn sẽ thoát với trần ai.
Không khinh nhờn quyết thành thời,
Khinh nhờn quyết đọa xuống ngay ba đường,
Hết khinh nhờn được thọ chương.
Còn khinh nhờn phải vào phương chết rồi.*

HÁN

Phục cáo đại chúng !! Nhữ đẳng tri hữu sinh lão bệnh
tử, kim thế hậu thế, tinh thần luân chuyển, cánh thụ
hình phủ ? Chư nhân đáp ngôn : bất tri Thế-tôn, Phật
ngôn : Nhữ đẳng đương tri, chúng sinh dĩ thử tứ sự đẳng
nhân duyên, hệ phục tinh thần, luân chuyển ngũ đạo, bất
tri sinh sở tông lai, tử sở thủ hướng. Nhĩ thời Thế-tôn nhi
thuyết kệ ngôn :

Vô thường kế hữu thường,	bất tận kế hữu tận.
Thực khổ nhi ngôn lạc,	vô ngã kế hữu ngã.
Chúng sinh sinh tử chung,	thâm chước u đảo kiến.
Thiên vạn ức kiếp chung,	bất tri sinh tử bản.

Nhược hữu nhân năng giải,	chiên thực đại pháp giả,
Năng chi thử phi thường,	tối vi đại khổ bản.
Nhược nhân kiến cấu chộc,	đoạn trừ tam độc bản.
Tất năng đắc thành tựu,	vô thượng chi đại pháp.

VIỆT

Phật lại bảo đại chúng rằng : Các người có biết cái lẽ sinh già ốm chết, đời nay đời sau, tình thân luân chuyển, lại có bị thân hình khác không ? Mọi người đáp rằng : Bạch đức Thế Tôn, chúng con không biết. Phật nói : Các người nên biết rằng chúng sinh chỉ vì cái nhân duyên bốn sự này, nó chối buộc tình thân, luân chuyển năm ngả, không biết sinh ở đâu lại, chết rồi về đâu. Lúc đó đức Thế-tôn lại nói một bài kệ rằng :

*Không thường nhận là có thường.
Không sạch lại cứ nói rằng sạch đây.
Thiệt khổ mà nói vui vầy,
Không ta lại nhận ta này là ta.
Trong vòng sinh tử vào ra,
Chúng sinh điên đảo thực là đã lâu.
Cùng nhau muốn kiếp thăm sầu,
Cõi nguồn sinh tử biết đâu mà lờ.
Nếu ai hiểu phép chi-chán,
Biết phi thường đó là căn khổ này.
Thấy đời rơ bần mà hay,
Đoạn trừ tam (1) độc được ngay phép này.*

HÁN

Phục cáo đại chúng ! dĩ kết sử cố, khởi chư nhân duyên. dĩ nhân duyên cố, thụ chư khổ não, dĩ thị chi cố, luân chuyển sinh tử, sắc bất chi hậu thể, thụ, tướng, hành, thức, bất chi hậu thể.

VIỆT

Phật lại bảo đại chúng rằng : vì mỗi kết sử (2), khởi ra các nhân duyên ; vì các nhân duyên, chịu mọi nỗi khổ não. Chỉ vì cố ấy, sống chết luân hồi. Sắc không còn đến đời sau, thụ, tướng, hành, thức, cũng không còn đến đời sau. (còn nữa)

(1) Tam độc : tham, sân và si.

(2) Kết sử : các sự phiền não góp lại khiến người làm nên tội.

TÌ-NI-PHƯƠNG NHŨ-KÝ

(tiếp theo số 95)

HẠ DAN CHÚ (下單咒)

Sáng ngủ giây niệm bài trên xong, tiếp niệm ngay chú này, niệm rồi sẽ đứng giây đi xuống đất.

(2) 從朝寅旦直至暮, 一切眾生自迴變, 若於足下喪其形, 願汝即時生淨土: 庵逸帝律尼沙 詞 (三遍)

Dịch âm: (2) Tông chiêu dần dần trực chỉ mộ, nhất thiết chúng sinh tự hồi hộ; nhược ư tức hạ táng ký hình, nguyện nữ tức thời sinh tịnh độ: (niệm một lần).

Úm dật để luật ni sa ha. (niệm ba lần).

Dịch nghĩa: Kể từ buổi sáng đến lên đèn,

Nhớ nhỏ hàm linh khéo giữ gìn

Nhớ bước thương thay hình tan nát.

Chú nguyện cho được tới đài sen.

Phần sự: Kinh Viên-giác nói: «những loài có hình chất và tinh tinh, thời lạnh vni đau khổ cũng như ta mà thân ta chưa được nhẹ nhõm như thân Phật (1) nên khi bước đi phải cầu nguyện cho loài sáu kiến, tự giữ gìn lấy sinh mệnh; nếu có dẫm nhằm nó thì đã nhờ có chú thần tiếp dẫn cho linh hồn về nơi cõi tịnh, thoát khỏi luân hồi».

Phần lý: Kinh Tám mươi nói: «Người ta cầu đao tu tâm, trước nên trừ bỏ mối lòng ác, sở dĩ không đắc đao là tại các mối ác che mất Phật tâm, nay bỏ hết lòng độc ác ó uế đi, thì cõi cực lạc hiện ngay ở cõi lòng ta».

(1) Nhẹ như thân Phật: - Kinh Phân biệt công đức nói: «Phật đã chứng được Kim-cương thân rất nhẹ nhõm khi đi bàn chân cách đất bốn tấc, có hàng nghìn vòng tròn như hoa in ở đất, các loài sáu kiến gặp Phật lướt qua, bấy ngày được yên ổn, tới khi mệnh thác, hồn về thiên cung».

Phật dạy : « vô làm mà giết nó thì không phải tội, nhưng còn cái báo giết một mạng phải đền một mạng là lý lẽ thiên nhiên » mà ta hàng ngày đi lại luôn luôn, tránh sao cho khỏi sự dẫm phải sâu kiến ; mà loài kiến có báo ơn (2) báo oán thực.

Ôi ! mất một phút đồng hồ mà khối nghiệp báo đền muốn đời, công đức trì chủ lớn lắm thay !

Phần chúng tin : - Xưa có một người bất bình với Phật, bèn giả giảng thầy tu đi theo Phật, một hôm giết chết con vì trùng, đem đờ vào vết chân Phật, định phao ngôn là Phật giết chúng sinh, bắt đờ vừa để vào xong thì con vì trùng sống lại ngay. Công đức Phật lớn lao vậy, nên ta phải niệm chú cầu Phật độ cho những loài bị ta giết chết oai.

(2) Kiến biết báo ơn : - Xưa có quan trạng lúc còn bé đi học, gì p lờ kiến trôi giữa giòng nước, ông liền cởi áo vứt hết lên bờ, lại chờ khi áo khô các con kiến bò đi hết mới lấy áo mặc, đến kỳ đi thi, văn đáng đỗ trạng, nhưng có chữ mất một nét, nên tòa sơ-khảo chỉ cho đỗ thấp ; bấy giờ tự nhiên có một con kiến bám chặt vào nét mất ấy, quan chủ-khảo biết là người có công đức lớn, nên lại phải lấy đỗ trạng.

Lại sách hán-thư nói rằng : Ông Dương-bao bầm tích từ ai, khi mới lên bảy, đi chơi qua núi Họa sơn, gặp con chim chi hâu đánh con chim tước, rơi xuống đất gần chết, ông Bảo liền cứu về nhà lấy hoàng hoa nuôi hơn một trăm ngày, mới mạnh khỏe, từ đấy cứ sáng đi kiếm ăn tối lại về chỗ ông Bảo xem sách. Một hôm chim tước hóa ra người đồng tích mặc áo vàng đáng bốn cái vòng bạch ngọc để báo ơn cứu mạng ; sau quả nhiên ông Bảo hiền đạt đến bốn đời khanh tướng. Xem thế thì đủ tin rằng : trong muôn loài bầy cứ lớn nhỏ, loài nào cũng biết báo ơn và báo oán, vì vậy Phật thương các loài cũng như thương người, ta không thương nó sao cho trọn được đức từ bi. Sa môn Tổ liên

KHUYẾN HIỆU CA

(tiếp theo và hết)

Phòng dào con được thảnh thơi,
Phen này cha mẹ chút hơi an nhàn.
Ngờ đâu đặng chốn loan phòng,
Đoái xem cha mẹ như luống muốn quên.
Cù lao, ân nghĩa chẳng quên,
Cho rằng : đó chỉ nhân duyên bởi trời.
Xem cha, mặt bạc như vôi,
Nhìn xem mặt vợ, hoa tươi mỹ miều.
Vợ muốn gì, cũng phải theo,
Nói gì, ắt cũng phải chiều cho qua.
Vật ngon, thu giấu mẹ chạ,
Vợ chững hơn hờ, một nhà cùng ăn.
Song thân lam lũ áo quần,
Lụa là vợ bận, mười phần xinh tươi.
Cha la, trọn cặp con người,
Vợ la, đành chịu, cho xuôi nước dòng :
Cha góa vợ, mẹ góa chồng.
Mặc ai cơ khổ khổ cùng chẳng nom.
Mẹ cha già cả ốm đau,
Chực hầu phụng sự, mặt xừ chẳng tươi.
Thuốc thang chẳng chịu rước mới,
Lại đem tiếng chửi « rời đời cho mau ».
Ngày kia cuộc biển bề dâu,
« Di-hải » đem láng sơn đầu một nơi.
Bạn bè thoát cá hơi vai.
Anh em phân sản từ nay tranh giành.
Gian nan chẳng nghĩ ân tình,
Phúc nhà, chỉ nói bởi mình tạo ra.
Kỳ-nhật, cùng quấy qua loa,
Mồ kia có chủ, ai mà lới nơi !
Giấy thiêu gọi chút với người,
Rượu trà thết khách, vui cười cùng nhau.
Phần mồ, khuyết hám bao lâu,
Cỏ cây xanh ngắt, biết đâu ngoài đồng.

Có con, dường cũng như không,
 Nuôi con như thể, còn hòng cậy ai.
 Bát cơm cho kẻ ăn mày,
 Họ còn cảm đội ơn người cứu sinh ;
 Nuôi con bao xiết công trình,
 Kề ra lắm nỗi thương tình than ôi !
 Quạ kia, còn biết « trả mồi »,
 Dê kia « quì gối » lá loài ngu-mông.
 Người là một giống linh thiêng,
 Thua dê, thua quạ, còn mong nỗi gì.
 Lại thêm những đứa bất nghì,
 Cha vừa khuất vắng, con thì huênh hoang.
 Cửa nhà phá hết tành toang,
 Làm xằng, phải ở pháp trường một khi.
 Vợ nhà cưới hỏi xưa kia,
 Gũ đi để mặc sớm khuya cùng người
 Ấy là những bọn vô loài,
 Mặc vòng thâm tử có ngáy không oan.
 Dám khuyên những kẻ làm con,
 Hiểu kinh phải đọc, lúc còn thơ ngây.
 Người xưa hiểu hạnh là ai ?
 Truyền xưa xin kể một hai gọi là :
 Hoàng Hương cứu nạn vì cha,
 Hùm kia, cũng phải buông tha một giờ
 Bà-Du một gậy dầm mưa,
 Vì thân, nên nổi ngàn nọc võ vàng.
 Mạnh tổng khóc ở rừng hoang,
 Mãng Đổng, kia cũng vì chàng nảy ra.
 Xưa nay cũng giống người ta,
 Xưa sao thế ấy, nay mà thế kia.
 Sao không ba nghĩ bấy suy ?
 Thân này hình thế, ai thì chăm nuôi ?
 Sao không suy xét đến nơi ?
 Thân này đức tính, nhờ ai đào-tành ?
 Sao không nhớ đến ân-tình ?
 Thân này gia nghiệp, ai dành cho đây ?

Công ờn khôn xiết giũ bày,
 Thô-sơ xin kể một vài lời què.
 Khuyên ai lẳng lặng mà nghe,
 Lục-nga thơ cũ, chớ hề quên ngay.
 Đầu bất hiểu, ấy là ai ?
 Nhà nhân-gian, chớ ở hoài khôn coi !
 Thân bất hiểu, ấy là ai ?
 Áo nhân-gian, chớ mặc hoài ửng đi !
 Miệng bất hiểu, ấy ai kia ?
 Cơm nhân-gian, chớ thướt khi ăn dùng ?
 Bầu trời rộng lớn mênh mông,
 Dung người ngộ nghịch trong vòng được sao.
 Khuyên người hối cải mau mau,
 Tội trời chớ để về sau phàn nàn.
 Tâm-phương Cư sĩ: Trần mạnh-Đàn

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Cuộc đấu-sảo sáng chế đáng khen của người Việt nam tại Hanoi

Với đời Tri-sảo ngày nay, người Việt-nam bị thiệt thòi không được học hành đầy đủ thế mà cái óc minh mẫn cũng vẫn thời thường thấy biểu lộ ra. Nhất là cuộc đấu-sảo sáng chế tại Hanoi năm nay, dù đến người ngoại quốc cũng phải khen ngợi. Ai cũng phải công nhận rằng nếu người Việt-nam mà được chịu giáo-dục về khoa-học hoàn bị thì về đường sáng chế cũng không thua gì người các nước văn minh tiên tiến.

Cuộc đấu-sảo sáng chế này, do quan Thống-sứ Bắc-kỳ chủ trương, mở tại nhà đấu-sảo Maurice Long tức nhà Hội chợ Hanoi, lễ khánh thành ngày 10 Novembre 1933. Lễ làm xống sẽ cho công chúng vào xem. Có ngót 100 người dự thi và hơn 100 thư-đồ sáng chế. Ngoài những thứ theo

mẫu của Tây của Nhật ra, dưới đây lược kể mấy thứ thực mới sáng chế, và thiết dụng.

Về nghề dệt: Có nhiều thứ máy xe giay, máy dệt Đàng chu ý nhất là cái máy se còi để dệt chiếu thay cho cách se bằng tay của ông Nguyễn-văn-Tuấn Ninh-bình rất tiện lợi. 4 cái máy se chỉ của 4 ông : Nguyễn-công-Tiểu, Khoát, Hệt, Lập ở Hanoi, se chỉ rất nhanh. Cái máy dệt vải và tussor khổ rộng 1m⁴ của ông Ngân, Hà-dông, dệt hàng may Âu-phục rất tốt. — **Về máy nước:** Có cái gương nước vào ruộng, làm bằng gỗ bầu múc nước bằng sơ mướp, lấy nước nhanh không kém cái máy sò canh nông. Lại có cái máy hơi nước ông Dụng, mù cả hai mắt mà chế ra được. **Về nghề nông:** có nhiều cây bừa kiểu mới và có một cái vò đập đất cho trâu bò kéo. **Về thực phẩm:** có cái máy chế nước đá cho nhà quê, dân địa, một nhà dùng. — **Về đồ chơi trẻ con:** người ta đã biết lấy nửa gỗ chế những cái hình như con quạ với cái bánh sữa trong sách Ngụ-ngôn, trẻ chơi có thú vị giáo-dục. — **Về các thứ linh tinh:** có cái áo đi mưa bằng lụa quét sơn dầu ta tổ hơn áo cao su.

Quan Huyện Trường bị tình nhân giết chết

Đêm ngày 8, ở tỉnh Bắc-giang xảy ra cái án mạng, ông Huyện Nguyễn-xuân-Trường bị cô tình-nhân Thị Cúc giết chết ở nhà riêng ông bằng 34 nhát dao bầu nhỏ lọn. Người ta bắt được Thị Cúc ngay ban đêm sau khi hành hung xong. Nguyễn ông Trường người Hanoi con nhà nhỏ, học trường Trung-học Bảo-hộ ra thi Thư-ký tòa Sứ, làm việc tòa Thống-sứ được một năm thì từ chức, đi dạy học tư đê học thêm vì nhà thanh bạch. Sau đỗ Tú tài, học trường luật một năm, thi đỗ Tri-huyện Tư-pháp, năm ngoái bỏ tập sự dinh quan Tuần Bắc-giang. Ông Trường còn xong thân, có vợ từ 15 tuổi, con gái một ông Cử nhưng ông vẫn không yêu vợ và thích sống cái đời lãng mạn. Đến Bắc-giang, ông ở một mình với 2 tầu đầy tớ giai, thuê một cái nhà gác. Người ta thấy một số hạn học cũ và mấy bạn

gái hay ra vào nhà ông. Trong bọn gái có cô Cúc là thân hơn. Cúc cũng người Hanoi, làm nghề bán gạo, thối. Ngày 7, cô Cúc ở Hanoi lên Bắc-giang, ngày 8 đến nhà ông Trường. Gần 10 giờ đêm 2 người còn nói chuyện và ăn hạt dẻ với nhau. Đoạn cô Cúc xuống buồng nhà dưới nằm còn ông Huyền nằm trên gác. Hơn 10 giờ, Cúc cầm dao bầu lên gác vạch màn chém ông Trường, Trường đau dạy ông cự nhưng không nổi, phải chạy xuống sân vì thang gác sây xi măng xuống sàn. Cúc đuổi theo xuống dưới lên Trường mà đâm chém Cúc dọa 2 đứa ở giai không dám he, nhưng nhà hàng xóm biết giữ cửa không cho hung thủ trốn Ông Trường bị 34 nhát dao đâm chém, lúc nhà chức trách đến còn nói được : « Tội tôi thật đáng chết không oán thán » Xe gần đến nhà thương thì ông Trường chết. Các quan xét hỏi, Cúc nói cách rần giỏi và tóm tắt rằng : tại ông Trường phụ bạc với cô nên cô giết chết. Có bỏ tiền lương ra nuôi Trường đi học, đến khi đi làm, cô lại bỏ tiền cho sắm sửa quần áo đồ dùng; xe nhà đủ thứ, những tưởng như thế sẽ ở đời với nhau không ngờ ông Trường lừa dối hết hủi dơ, còn đưa cả thư của nhân tình ông cho cô xem. Cử chỉ của ông Trường làm cho cô tủi nhục quá hóa giận phải hạ thủ. Có định trước nên mua con dao bầu mờ lợn để hạ sát ông Trường.

Xét chỗ máu rây có lối giầy cao-su, các quan ngờ có người thứ ba nữa Nên còn xét thêm.

Luật đại xá ban khắp bắc trung kỳ

Chính-phủ bên Pháp ban luật đại-xá cho trong nước và xứ Đông-dương từ năm ngoài, nhưng ở Đông dương mới ban luật ấy cho các thành phố Tây mã thời. Nay do sắc-lệnh Đức Bảo đại đã ban hành cho khắp các tỉnh Trung, Bắc kỳ.

Say rượu chém mẹ đuổi
giết anh em gái và đốt nhà mình

Tên Đặng đình Hiền ở Hải-phòng vốn là tay du-côn

có tiếng. Hôm 30 octobre say rượu cầm dao chém vào tay mẹ, rồi đuổi anh và em gái định chém chết, nhưng hai người đều chạy thoát. Y quay ra đốt cái nhà gỗ ba gian của mình. Hàng sớm đến trưa, y cầm dao đuổi chém. Sau cảnh bình, lính khố xanh phải đến hết sức mới trời được y, thì nhà y đã ra do rồi. Coi đó ta biết « giới tửu » của Phật là quan hệ cho đức lìa của đời người biết bao. Vì say rượu mà sinh ra tàn ác, hại hại như tên Hiên, xưa nay biết bao người rồi.

Xôi thịt giết người

Bao giờ « câu chuyện đạo Phật với việc làng » trong Đuốc tuệ rửa sạch được óc bủ tại ác-nghiệp của người thôn quê, thì cái họa « Xôi thịt » giết người mới hết, chứ hiện nay tuy dân tàn của hết mà họa ấy nó vẫn hoành hành ở thôn quê. Mới đây xảy ra hai đám án mạng giết người vì « xôi thịt một cách vô vỵ lạn mẫn là dường nào.

1 — Ngày 29 Octobre. ở đình làng Văn-thai, Haidương tên Nguyễn văn Phúc, 17 tuổi, giết chết Thư ký Nguyễn thiện-Nhạ để báo cái thù không được đem xôi thịt giả lễ làng khi bố chết. Nguyễn bố tên Phúc, Lý-trưởng cụ, chết đạo tháng 5 vừa rồi vì bệnh dịch tả. Tên Phúc định quần áo quan lại để làm « ma to cỡ lớn », nhưng Thư-ký Nhạ báo quan Huyệ bắt phải trốn ngay. Thế là cuộc « Báo hiếu xôi thịt » của tên Phúc bị ngăn trở. Tên Phúc không nghĩ tới sự truyền nhiễm nguy hiểm của bệnh dịch tả nên kiêng ăn bậy mà lại lấy làm cái thù không đội trời chung. Định tâm sẵn, nhân buổi hội đồng hương chính tại đình hôm ấy, tên Phúc giắt dao ra đâm chết Thư-ký Nhạ ngay ở chỗ hội-dồng rồi trốn mất.

2 tên Trương-văn-Nghĩa đâm chém 4 người giữa đám rượu trình sắc nhà Trương-văn-Ngôn, xã Ninh-phú, Hà-nam. Nguyễn Trương-văn-Ngôn làm cai khố xanh được hàm bát phẩm, về làng mời mấy người chức dịch đến trình

sắc, từ là trình cho dân biết « cái sắc vua ban bát - nhâm » ấy. Trong khi hợp mặt, bọn Lý-dịch rở ra khích bác nhau vì miếng ăn giữa làng. Thư-ký Trương-văn-Lan cãi nhau với Chánh-hội Trương-văn-Lộ. Con Thư-ký Lan là tên Trương-văn-Nghĩa 23 tuổi, đến chửi sỗ xiên. Cai Ngón mịch lòng liền sai vợ là Thị-Phượng đuổi tên Nghĩa về. Tên Nghĩa nổi hung đá Thị-Phượng bị 5 dấu nặng. Người ta xô vào can ngăn, tên Nghĩa rút dao chém huyền thiên, nên tên Kiện bị một nhát dao vào sống lưng, Cai Ngón bị một nhát dao thủng mang tai, Thị Ba bị đâm toạc đầu. Hành hung xoug, tên Nghĩa trốn mất.

Coi đó thì cái vụ « thật xôi » có ghê không.

Người nam từ nay cũng được ứng cử
 Làm phó Hội trưởng phòng Canh-nông

Những chức to trong ban trị sự các phòng canh nông ở Đông dương, từ trước tới nay đều do các người tây giữ.

Nay bên Pháp đã hạ sắc lệnh sửa đổi lại ít nhiều về cách tổ chức các phòng Canh nông ở Đông dương. Theo sắc lệnh mới này thì trong các phòng Canh-nông bắt buộc phải có một ông Phó Hội-trưởng là người dân bản xứ.

Nạn mưa bão vừa qua ở tỉnh Phan-rang
 thì Quảng-nam Quảng-ngãi lại lụt

Nạn mưa bão hồi vừa qua, riêng tỉnh Phan-rang một làng Hòa-tân, nhà-trời cửa-mất vì nước sôi, tính ra có hơn trăm nóc nhà như bị triệt hạ. Còn người chết cũng nhiều. Theo báo « Saigon » thì người ta mới tìm được 30 cái xác chết lụt đủ già trẻ gái gái,

Quảng-nam, Quảng-ngãi vừa mới bị bão lụt cuối tháng trước, lúa mất đường vỡ, đường xe lửa bị nghẽn mới sửa xong. Thì nay lại bị mưa to, ngày 5 Novembre nước lên cả thành phố Faifo Quảng-nam, đường vận tải phải đắp thuyền, ở Quảng-ngãi nước sông Trà-khúc lên tràn bờ. Đường thuộc địa số 1 ngập nhiều quãng.

Về Nam-kỳ, tỉnh Sadéc cũng bị lụt vì mấy trận mưa to mới đây. Đường xá nhiều quãng bị ngập, giao thông gần trở, mùa màng cũng bị thiệt hại khá nhiều.

VIỆC THẾ-GIỚI

Tại Âu châu với vấn đề đòi thuộc địa của Hitler

Sau một hồi bàn luận về vấn-đề thuộc địa của Hitler, Hai nước Anh, Pháp đều đã đồng-thanh không ưng hẳn điều yêu sách đó. Tại Anh, tin Londres ngày 4-11-38 nói người ở thuộc địa Phi-châu nơi cũ của Đức mà nay về Anh họ cực lực phản đối việc giả xử họ lại cho Đức. Tại Pháp cũng thế, tin Paris ngày 2 Novembre, một bản thông cáo của đảng Cộng-sản dân-chủ Liên-hiệp đòi rằng chính-phủ Pháp phải tuyên bố từ chối hết mọi việc điều-linh về vấn-đề các thuộc-địa, các đất do hội Quốc-liên ủy cho cai trị. Đồng với lời quyết nghị của Đại-hội-ngũ xã-hội cấp-tiến ở Marseille, đảng này sẽ không ủng hộ Nội-các nào không tuyên bố rõ ràng về lý thuyết ấy.

Thế là dư luận hai nước Anh, Pháp đều quyết liệt cự việc đòi thuộc địa của Hitler.

Điều hòa bằng tăng binh bị

Đã không giả thuộc-địa cho Đức, lẽ tất nhiên là Anh, Pháp tăng binh bị. Tin Londre ngày 4-11-38, nhiều giới nhân dân xin Chính phủ lập một nội các chịu trách nhiệm quốc phòng, hết sức luyện tập thanh-niên ra bãi chiến-trường.

Ngoài ra chính-phủ Ai-cập cũng định đóng một đội chiến hạm gồm 36 chiếc, phí tới 50 triệu bạc ta.

Ở Pháp, ngày 8 Novembre, bỗng có tin một hãng thông tin nước Anh nói Pháp, Đức sẽ công bố một bản tuyên ngôn như bản tuyên ngôn của ông Chamberlin và ông Hitler đã công bố ở Munich, chính giới Pháp còn chưa tin sẽ có việc đó, nhưng người ta nhận đó mà đoán Pháp, Đức sẽ có thể êm được.

TIN Ở TÂY Á

Anh với Ả-rập

Tin London ngày 24 Octobre (nhận tin của Đức) nói Anh muốn giao xứ Palestine cho Mỹ trông coi, vì tình hình dân Ả-rập quấy rối dân Do-thái ở đây vẫn không yên. Còn dân Ả-rập thì gửi thư cho ông Roosevelt phản đối kịch liệt về Mỹ vẫn che trở cho dân Do-thái. Tin nữa của Đức lại nói Anh quyết định lập các xứ có dân Ả-rập với dân Do-thái ở thành một liên bang chính-phủ. Ngày 26 Octobre nói đoàn đại-biểu Ả-rập sẽ sang London bàn với Anh về vấn-đề Palestine. Lại tin ngày 8 Novembre với dân quân Ả-rập đốt phá một chiếc máy bay Anh.

TIN Á ĐÔNG

Trung Nhật chiến chanh mặt trận Hán-khâu

Sau khi quân Tàu rút lui khỏi Hán-khâu cũng phóng hỏa đốt phá các công sở kho tàng. Quân Nhật từ ngày 25 Octobre kéo vào thành Hán-khâu chiếm giữ, rồi tàu chiến ở sông Dương-tử, lục quân ở hai miền nam, bắc ngạn sông ấy và ngàn núi Đại-việt đều kéo đến Thừa thế quân Nhật đánh lấy cả miền Vũ-bán, nhưng quân Tàu nói đó là sự thất bại của quân Nhật, và nói sẽ lừa quân Nhật vào sâu hơn Hán-khâu mới trừ diệt cho hết. Mấy hôm gần đây thì quân Nhật đã tiến lên cách Hán-khâu hàng hơn 100 dặm, và mặt bắc kéo lên đánh Hồ-nam, Hồ-bắc. Còn thành phố Hán-khâu, nước Anh giao tờ giới cũ ở đây cho Nhật. Nhật đã cử phái bộ của hai chính phủ Bắc kinh và Nam-kinh của Tàu lên Hán-khâu bàn cách hợp nhất cai trị,

Kế hoạch kháng chiến của chính phủ Tưởng

Giới Thạch vẫn được quốc dân tín nhiệm

Từ 8 Octobre, Hội-ngị tham chính toàn quốc Trung-quốc đã họp ở Trùng-khánh, Uông-tinh-Vệ làm chủ tịch, đủ các mặt yếu nhân, đã gửi điện văn cho Tưởng-giới-Thạch tỏ ý cảm ơn và xin hết lòng cứu quốc. Vì Tưởng-

giới-Thạch có gửi điện cho hội-nghe một bản chương trình phòng ngự. Còn Tu-ớng-bạn điều khiển các mặt trận không đến dự được. Hội-nghe bàn các vấn-đề kinh tế, quốc phòng trong 10 ngày kết nghị quyết kháng chiến tới cùng mà từ nay sẽ dùng lối du kích ở các mặt trận để lừa đánh quân Nhật. Về kinh tế đã dự lập một nhà Trung-hoa ngân hàng ở Hanoi. Và định lập 3 trường máy bay ở Văn nam Lan-châu và Thành đô

Mặt trận Phúc-kiến và Hồ bắc

Đạo này quân Nhật đã đánh đến tỉnh Phúc-kiến, nhưng bị thua. Tin ngày 1er Novembre Nhật kéo 32 chiếc tàu chiến đến cho lính đổ bộ ở Phúc-thanh cách phía nam Phúc châu tỉnh thành Phúc-kiến 48 cây số. Đó là trận bắt đầu Nhật đánh Phúc-kiến. Nhưng bị quân Tàu đánh riết không đổ bộ được. Hôm sau bao nhiêu tàu chiến Nhật ở đây rút về Đài-loan cả. Nhưng chính-phủ Phúc-kiến cũng đã dời tòa sở và nhân dân đi nơi khác, còn các yếu nhân vẫn ở lại giữ cõi đất kháng chiến.

Ngày 3 Novembre, quân Tàu ở Hồ-bắc đánh đuổi quân Nhật ở phía Thông-sơn giáp giới Giang-tây. Quân Nhật bị chết 1.500 người. thực là trận đại thắng thứ nhất sau khi quân Tàu mất Hán-khẩu.

Mặt trận Quảng đông

Thành Quảng-châu khi sắp mất, quân Tàu theo lệnh trên mỗi người mang 2 thùng dầu tủy rồi đốt, toàn bộ dinh thự nhà cửa ra do, lính số thiệt hại tới 900 triệu bạc Đông dương. Nay quân Quảng tây đại cử xuống hợp lực với quân Quảng-đông để phản công. Ngày 8 Novembre, quân Tàu đã kéo đến phía ngoài thành Quảng châu, trong thành nghe thấy tiếng súng bắn nhau với quân Nhật ở đây có độ 2 vạn nên yếu thế.

**QUÍ TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VỊ
 CÔNG ĐỨC ĐÃ CUNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA
 TRUNG ƯƠNG**

Mme Phở 5 Rue Daurelle	2.00
— Đới 10 — — —	1.00
M. Trần văn Các 66 Teinturiers	10.00
Mme Bùi buy Lợi ngõ chùa Liên-phái	2.00
— Đỗ văn Phúc 9 Rue Daurelle	1.00
— Đỗ Huân 16 — — —	3.00
Cụ Cò 44 Gia long	3.00
— Chủ Chợ 8, Antoine Bonnet	4.00
Bà Vũ thị Hòa 12 Rue Darelle	5.00
Mme Trần thị Lê 60 Phố Phúc-kiến	10.00
— Bát 47 Rue des Chapeaux	2.00
— Phúc Hiền 58 — — —	1.00
— Trần thị Gấn 27 Phố Phúc kiến	10.00
— Lê tiến Chúc 58bis Jules ferry	3.00
— Nguyễn thị Ba 45 Rue des Radesux	2.00
— Nguyễn thị Cả 59 — — —	1.00
— Lang 67 Hàng Bè	1.00
— Nghĩa Phú 53 Rue des Paniers	1.00
Mme Vũ thị Thịnh	2.00
— Trịnh thị Tý 95 Rue des Tasses	1.00
— Đức Thăng 11 Phố Nhà thờ	2.00
— Đào văn Châu 18 bis Rue Cathédrale	5.00
M. Phạm hoàng Chi 12 — — —	1.00
Mme Trần thị Uất 53 Rue Layeran	1.00
M. Đinh văn Châu 58 Rue Jacquin	5.00
Vô dành	3.00
M. Trịnh đình Phi 124 Phố bóp Kèn Hadong	1.00
— Trịnh đình Long	1.00

Kính cáo cùng các độc giả Đuốc-Tuệ

Đuốc-tuệ, còn một số nữa tại hết năm. Ngài nào thiếu
 tiền xin kíp gửi về cho.

Ngài nào thôi không mua nữa, cũng xin cho biết để cho
 tiện việc sổ sách.

TIN CÁC HỘI - VIÊN QUÀ CỖ

M. Nguyễn duy Bình ở làng Bách-lộc, Thạch-thất, Sơn-tây viên tịch ngày 26-9-38.

Mme Nguyễn thị Độ, 104 Phố cầu gỗ Hanoi, viên-tịch ngày 20-9-38.

Mme Lê thị Thằng ở 23 Phố hàng Phèn Hanoi, viên tịch ngày 21 Septembre 1938.

Cu Lê thị Hợi ở 43e Phố Henri Rivière Hanoi viên tịch ngày 16-10-38.

Cu Đào thị Minh ở 11 Impasse Jacquin Hanoi viên tịch ngày 17-10-38.

Mme Nguyễn thị Nhị làng Lạng-am, phủ Vĩnh-bảo, Hải-dương viên tịch ngày 15-10-38.

Mme Nguyễn thị Bé 57 Phố kiến Hanoi, viên tịch ngày 13-11-38.

HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

M. M. Phan ngọc Tri Bến tre	1-90	3\$00
Hoàng văn Sử Ninh bình	13-71	1.50
Nguyễn thành Thân Vĩnh long	80-103	1.50
Mai văn Liễu Vĩnh long	86-97	0.80
Đoàn văn Bó Vĩnh long	76-99	1.50
Tạ văn Điền Nam định	76-99	1.50
Đỗ văn Thị Nam định	66-99	1.50
Vũ hữu Thủy Nam định	76-99	1.50
Trần sĩ Vịnh Phát diêm	97-120	1.50
Nguyễn quang Hùng Faido	76-99	1.50
Trần văn Nãi Hưng yên	76-99	1.50

Ông Nguyễn đình Đình Thái hà ấp. — Đã tiếp được mandat série 24321 n° 038 1\$50 của ông rồi, nếu thiếu số nào ông cho biết để gửi bù, cảm ơn.

Ông Hoàng đình Kiên Hưng-yên. — Ông còn thiếu 1\$50 nữa kể đến ngày 10-12-38.

Cùng các độc giả Đuốc-tuệ. — Báo số 1 đến số 76 đã hết, xin các ngài vui lòng vậy, đến khi tái bản sẽ gửi hầu các ngài.

Đ. T.